

# NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG THỊ XÃ GIA NGHĨA TỈNH ĐẮK NÔNG

## Mục Lục:

MỞ ĐẦU.....	3
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	3
2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.....	3
2.1. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
3. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN.....	3
3.1. Ý nghĩa khoa học.....	3
3.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	4
4. GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU.....	4
4.1. Giới hạn không gian.....	4
4.2. Đối tượng.....	4
4.3. Nội dung.....	4
5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	4
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN LIÊN QUAN VẤN ĐỀ.....	6
1.1. CÁC KHÁI NIỆM.....	6
1.1.1.1. Khái niệm.....	6
1.1.1.2. Phân loại.....	6
1.2. MÔI TRƯỜNG.....	7
1.2.1. Khái niệm.....	7
1.2.2. Phân loại.....	7
1.2.3. Chức năng.....	8
1.3. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	8
1.3.1. Khái niệm.....	8
1.3.2. Nguyên tắc.....	8
1.3.3. Nội dung.....	8
1.4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA VIỆT NAM.....	9
CHƯƠNG II: NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
2. KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU.....	11
2.1. Điều kiện tự nhiên.....	11
2.2. Đặc điểm về dân số, dân cư, nguồn nhân lực và các vấn đề xã hội.....	13
2.3. Lịch sử hình thành Gia Nghĩa.....	14
2.4. Tác động của đô thị hóa đến môi trường tự nhiên.....	16
2.5. Tác động của đô thị hóa đến môi trường nhân tạo.....	22
2.6. Về tình hình xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.....	30
2.6.1. Về giao thông.....	30
2.6.2. Về cấp nước sạch sinh hoạt.....	32
2.6.3. Về thoát nước.....	34
2.6.4. Về cấp điện và chiếu sáng công cộng.....	35
2.6.5. Về thông tin và bưu điện.....	36
2.6.7. Về công viên cây xanh.....	38

2.6.8. Về thu gom chất thải rắn và vệ sinh môi trường.....	39
2.6.9. Về kiến trúc cảnh quan đô thị.....	40
<b>2.7. Tình hình đầu tư và phát triển.....</b>	<b>40</b>
<b>2.8. Đánh giá chung.....</b>	<b>42</b>
2.8.1. Kết quả, thuận lợi.....	42
2.8.2. Hạn chế, khó khăn.....	42
<b>CHƯƠNG III: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>ERROR!</b>
<b>BOOKMARK NOT DEFINED.</b>	
<b>3.1. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP.....</b>	<b>43</b>
3.1.1. Dựa vào quan điểm phát triển bền vững của đất nước.....	43
3.1.2. Dựa vào mục tiêu tổng quát trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.....	43
<b>3.2. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>44</b>
3.2.1. Giải pháp.....	44
3.2.2. Kiến nghị.....	65
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>66</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>68</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Thị xã Gia Nghĩa là thị xã tỉnh lỵ tỉnh Đắk Nông, được thành lập theo Nghị định số 82/2005/NĐ -CP ngày 27/06/2005 của Chính Phủ, Sau 10 năm đầu tư xây dựng và phát triển. Thị Xã là trung tâm hành chính - chính trị, trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội và trung tâm khoa học chuyển giao công nghệ của Tỉnh Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam vùng Tây Nguyên. Mặt khác, Đắk Nông nằm trong vùng tam giác phát triển Campuchia - Lào -Việt Nam, đang được Chính phủ 3 nước quan tâm tích cực đầu tư xây dựng nhằm tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là phát triển giao thông đường bộ, tạo sự kết nối giữa các trung tâm, phát triển mạnh mối quan hệ kinh tế liên vùng thông qua các chương trình hợp tác phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Do vậy, nền kinh tế của thị xã đang ngày càng phát triển nhanh chóng. Song song đây là sự phát triển mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa, một mặt góp phần thúc đẩy nhanh hơn quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, mặt khác, nó cũng phát sinh nhiều vấn đề cần giải quyết như: vấn đề việc làm cho dân bị mất đất, phương pháp đền bù giải phóng mặt bằng, cách thức di dân, ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên.... Đánh giá thực trạng phát triển của đô thị hóa, cũng như sự ảnh hưởng của nó tới sự phát triển bền vững của môi trường thị xã, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững của môi trường nơi đây, xuất phát từ thực tế này, nhóm chúng tôi chọn đề tài **“Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình Đô thị hóa đến sự phát triển bền vững môi trường thị xã Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông”** làm đề tài nghiên cứu khoa học của nhóm mình.

### 2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

#### 2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình Đô thị hóa tới sự phát triển bền vững của môi trường (môi trường tự nhiên, môi trường xã hội) của thị xã. Trên cơ sở đó, đề xuất, kiến nghị một số giải pháp quản lý theo hướng bền vững.

#### 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu của đề tài cần giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng cơ sở khoa học liên quan đến vấn đề nghiên cứu.
- Đánh giá được sự ảnh hưởng, tác động của quá trình đô thị hóa tới các vấn đề về môi trường thị xã Gia Nghĩa.
- Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển bền vững.

### 3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

#### 3.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận vấn đề nghiên cứu.

Chứng minh mối quan hệ hữu cơ giữa con người với tự nhiên, giữa quá trình và kết quả.

### ***3.2. Ý nghĩa thực tiễn***

Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp cho các nhà hoạch định chính sách thực thi hoạt động phát triển kinh tế có hiệu quả, giảm thiểu hậu quả xấu nhất xảy ra đối với môi trường trong quá trình thực thi các chính sách. Đồng thời, kết quả nghiên cứu có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu cùng hướng ở các địa phương khác trong cả nước.

## **4. Giới hạn nghiên cứu**

### ***4.1. Giới hạn không gian***

Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

### ***4.2. Đối tượng***

Các vấn đề về môi trường tự nhiên (đất, nước, rừng,...) và môi trường xã hội (nhà ở, công trình đô thị, dân số,...)

### ***4.3. Nội dung***

- Nghiên cứu sự ảnh hưởng tới các phương diện như: dân số, nhà ở, các ngành kinh tế, tài nguyên thiên nhiên (đất, rừng, nước,...)

- Đề xuất các giải pháp ở mức độ định hướng.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### ***5.1. Phương pháp thu thập, xử lý số liệu***

Tài liệu thứ cấp là nguồn thông tin quan trọng hỗ trợ cho việc định hướng ban đầu của nghiên cứu, đồng thời đây cũng là căn cứ cho các hoạt động của nghiên cứu được tiến hành. Các thông tin thứ cấp được thu thập trực tiếp từ UBND thị xã, Hạt kiểm lâm thị xã Gia Nghĩa,...

### ***5.2. Phương pháp thống kê mô tả***

Phương pháp này được vận dụng để mô tả bức tranh tổng quát về tình hình cơ bản của địa bàn nghiên cứu, thực trạng phát triển kinh tế hiện nay của thị xã. Bằng phương pháp này chúng ta có thể mô tả được những nhân tố thuận lợi và cản trở trong kế hoạch phát triển kinh tế tại địa bàn nghiên cứu.

### ***5.3. Phương pháp so sánh đối chiếu***

Đây là phương pháp được sử dụng khá nhiều trong quá trình thực hiện đề tài. Việc sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu các yếu tố về ân số, diện tích rừng, đất trồng qua các mốc thời gian để thấy sự thay đổi của chúng, đối chiếu thông tin thu thập và những thông tin qua phỏng vấn nhằm tạo nên độ tin cậy cao.

### ***5.4. Phương pháp bản đồ***

Sử dụng ảnh viễn thám, bản đồ tự nhiên, bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp, bản đồ phân bố rừng qua các năm để xác định mức độ ảnh hưởng, tình trạng suy

thoái rừng, bản đồ phân bố dân cư để khoanh vùng những khu vực nhạy cảm dễ bị tác động nhằm tiến tới đề xuất các biện pháp bảo vệ, phát triển.

### ***5.5. Phương pháp thực địa***

Đây là phương pháp quan trắc thực tế tại khu vực nghiên cứu nhằm khái quát hóa được bức tranh tổng quát, bổ sung thêm một số tư liệu cần thiết, kiểm chứng những tư liệu hoài nghi đồng thời chụp ảnh minh họa. Để thực hiện mục tiêu đề tài đặt ra chúng tôi thực địa 3 đợt, mỗi đợt kéo dài 4 ngày. Phân ra 3 tuyến chính và 6 tuyến nhỏ, tập trung vào các phường của thị xã.

### **6. Cấu trúc đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận. Nội dung đề tài gồm có 3 chương:

*Chương I: Nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan vấn đề*

*Chương II: Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa tới môi trường (môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo)*

*Chương III: Đề xuất giải pháp nhằm phát triển bền vững.*

## **CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN LIÊN QUAN VẤN ĐỀ**

### **1.1. Các khái niệm**

#### **1.1.1. Đô thị hóa**

##### ***1.1.1.1. Khái niệm***

Đô thị hóa là một quá trình kinh tế - xã hội, mà biểu hiện của nó là sự tăng nhanh về số lượng và quy mô của các điểm dân cư đô thị, sự tập trung dân cư trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn, là sự phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

Đô thị hóa còn là quá trình chuyển hóa và vận động phức tạp mang tính quy luật, phổ quát diễn ra trên quy mô toàn cầu, mang tính chất đặc trưng của sự phát triển KT - XH trong thời hiện đại. Quá trình này bao gồm sự thay đổi trong nhiều lĩnh vực như cơ cấu kinh tế, cơ sở hạ tầng, phân bố lực lượng sản xuất, phân bố dân cư, dân số, kết cấu nghề nghiệp, lối sống văn hóa...

Nhà đô thị học Đàm Trung Phùng cho rằng: “Đô thị hóa là một quá trình diễn thế về kinh tế – xã hội – văn hóa – không gian gắn liền với những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong đó diễn ra sự phát triển nghề nghiệp mới, sự chuyển dịch cơ cấu lao động, sự phát triển đời sống văn hóa, sự chuyển đổi lối sống và sự mở rộng phát triển không gian thành hệ thống đô thị, song song với tổ chức bộ máy hành chính, quân sự”. Theo khái niệm này thì đô thị hóa là quá trình chuyển đổi trên tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế, xã hội, văn hóa đến khoa học kỹ thuật và cả không gian cư trú của con người.

Một khái niệm khác của Nguyễn Thế Bá: “Đô thị hóa là quá trình tập trung dân số vào các đô thị, là sự hình thành nhanh chóng các điểm dân cư đô thị trên cơ sở phát triển sản xuất và đời sống... Quá trình đô thị hóa cũng là quá trình biến đổi sâu sắc về cơ cấu sản xuất, nghề nghiệp, cơ cấu tổ chức sinh hoạt xã hội, cơ cấu tổ chức không gian kiến trúc xây dựng từ nông thôn sang thành thị”.

Mặc dù còn nhiều cách nhìn khác nhau về đô thị hóa nhưng nhìn chung các nhà nghiên cứu đều thống nhất với nhau rằng đô thị hóa là vấn đề mang tính tất yếu khách quan và phổ quát. Đó là sự chuyển đổi mạnh mẽ, sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, xã hội đến văn hóa,... là sự chuyển đổi từ nông thôn sang thành thị, từ nền sản xuất nông nghiệp sang sản xuất phi nông nghiệp với sự tập trung dân cư cao.

##### ***1.1.1.2. Phân loại***

Quá trình đô thị hoá, dưới góc độ là quá trình di cư của dân, chuyển từ vùng nông thôn sang đô thị. Quá trình này có thể phân loại ra nhiều giai đoạn, có khi có di cư dân vào thành thị, mà tính chất đô thị hoá lại khác với quá trình có hình thức tương tự. Quá trình đô thị hoá trong lịch sử có thể phân loại như sau:

*a. Đô thị hoá thay thế*

Là khái niệm để chỉ quá trình đô thị hoá diễn ra ngay chính trong đô thị. Ở đây cũng có sự di dân nhưng từ trung tâm ra ngoại thành hoặc vùng ven đô. Đô thị hoá thường vẫn mang tính chủ quan thông qua quy hoạch. Quy hoạch đô thị cho phép con người tạo ra những đô thị tối ưu theo ý muốn. Tuy nhiên, đô thị được quy hoạch là tối ưu đến mấy vẫn chắc chắn lạc hậu trong tương lai. Do cư dân tăng lên, kết cấu hạ tầng, kiến trúc đô thị... lần lượt lạc hậu. Đặc biệt các công trình công nghiệp, dịch vụ... theo thời gian trở nên lạc hậu và gây ô nhiễm nặng nề, phải di dời xa thành phố.

*b. Đô thị hoá cưỡng bức*

Là khái niệm dùng để chỉ sự di chuyển dân cư từ nông thôn về thành thị, lý do ngoài kinh tế, tức là không phải trước hết tìm việc làm hay tìm dịch vụ tốt hơn. Quá trình cưỡng bức xảy ra có thể nông dân chạy vào thành phố chủ yếu là lánh nạn. Trong quy hoạch thiết kế ban đầu, không tính đến khả năng này. Do vậy khi dân số tăng lên không phải do yêu cầu phát triển của đô thị, đứng về phía đô thị là cưỡng bức, đối với người dân chạy vào đô thị là tự bắt buộc

*c. Đô thị hoá ngược*

Là khái niệm dùng để chỉ sự di dân từ đô thị lớn sang đô thị nhỏ, hoặc từ đô thị trở về nông thôn.

Thực tiễn cho thấy có sự di cư từ đô thị ra bên ngoài, đặc biệt là vùng nông thôn hoặc các đô thị nhỏ. Toshio Kuroda, gọi theo các học giả Mỹ, hiện tượng này là "đô thị hoá ngược" hay là "sự phục hưng nông thôn". Khi đô thị hoá ngược xảy ra, con người đã ở một trình độ văn minh cao. Vấn đề quan trọng nhất, không còn kinh tế mà là chất lượng sống. Người ta quan tâm đến an ninh, môi trường tự nhiên và xã hội, giáo dục, y tế... Trước hết khi chọn nơi ở, đời sống vật chất đã đầy đủ, chỉ có đời sống tinh thần mới thật sự là đích tìm kiếm của con người. Đời sống tinh thần sẽ trở nên vô cùng, trong sự cách mạng của nó đối với con người

## **1.2. Môi trường**

### **1.2.1. Khái niệm**

Tại khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005 quy định: “Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật”.

### **1.2.2. Phân loại**

- Môi trường tự nhiên: bao gồm các thành phần của tự nhiên như địa hình, địa chất, đất trồng, khí hậu, nước, sinh vật,...

- Môi trường xã hội bao gồm các quan hệ xã hội trong sản xuất, trong phân phối, trong giao tiếp.

- Môi trường nhân tạo bao gồm các đối tượng lao động do con người sản xuất ra và chịu sự chi phối của con người: nhà ở, nhà máy, các công trình hạ tầng,...

### **1.2.3. Chức năng**

Môi trường có 3 chức năng chính:

- Là không gian sống của con người và các loài sinh vật.
- Là nguồn cung cấp tài nguyên.
- Là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra.

## **1.3. Phát triển bền vững**

### **1.3.1. Khái niệm**

- Năm 1987, Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc đã đưa ra khái niệm phát triển bền vững: “Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”.

- Theo khoản 4 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”

### **1.3.2. Nguyên tắc**

Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc đã đề ra 9 nguyên tắc:

1. Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng.
2. Cải thiện chất lượng cuộc sống của con người.
3. Bảo vệ sức sống và tính đa dạng của Trái đất.
4. Quản lý những nguồn tài nguyên không tái tạo được.
5. Tôn trọng khả năng chịu đựng được của Trái đất.
6. Thay đổi tập tục và thói quen cá nhân.
7. Để cho các cộng đồng tự quản lý môi trường của mình.
8. Tạo ra một khuôn mẫu quốc gia thống nhất, thuận lợi cho việc phát triển và bảo vệ.
9. Xây dựng một khối liên minh toàn cầu.

### **1.3.3. Nội dung**

*Thứ nhất*, bền vững kinh tế. Mỗi nền kinh tế được coi là bền vững cần đạt được những yêu cầu sau:

- Có tăng trưởng GDP và GDP đầu người đạt mức cao. Nước phát triển có thu nhập cao vẫn phải giữ nhịp độ tăng trưởng, nước càng nghèo có thu nhập thấp càng phải tăng trưởng mức độ cao. Các nước đang phát triển trong điều



kiện hiện nay cần tăng trưởng GDP vào khoảng 5%/năm thì mới có thể xem có biểu hiện phát triển bền vững về kinh tế.

- Trường hợp có tăng trưởng GDP cao nhưng mức GDP bình quân đầu người thấp thì vẫn coi là chưa đạt yêu cầu phát triển bền vững.

- Cơ cấu GDP cũng là vấn đề cần xem xét. Chỉ khi tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP cao hơn nông nghiệp thì tăng trưởng mới có thể đạt được bền vững.

- Tăng trưởng kinh tế phải là tăng trưởng có hiệu quả cao, không chấp nhận tăng trưởng bằng mọi giá.

*Thứ hai, bền vững về xã hội.* Tính bền vững về phát triển xã hội ở mỗi quốc gia được đánh giá bằng các tiêu chí, như HDI, hệ số bình đẳng thu nhập, các chỉ tiêu về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, hưởng thụ văn hóa. Ngoài ra, bền vững về xã hội là sự bảo đảm đời sống xã hội hài hòa; có sự bình đẳng giữa các giai tầng trong xã hội, bình đẳng giới; mức độ chênh lệch giàu nghèo không cao quá và có xu hướng giảm lại; chênh lệch đời sống giữa các vùng miền không lớn.

*Thứ ba, bền vững về môi trường.* Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nông nghiệp, du lịch; quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới,... đều tác động đến môi trường và gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, điều kiện tự nhiên. Bền vững về môi trường là khi sử dụng các yếu tố tự nhiên đó, chất lượng môi trường sống của con người phải được bảo đảm. Đó là bảo đảm sự trong sạch về không khí, nước, đất, không gian địa lý, cảnh quan. Chất lượng của các yếu tố trên luôn cần được coi trọng và thường xuyên được đánh giá kiểm định theo những tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

#### **1.4. Bài học kinh nghiệm của Việt Nam**

❖ *Bài học thứ nhất: Sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ đối với phát triển bền vững*

Bài học quan trọng nhất trong tiến trình PTBV của Việt Nam chính là sự cam kết mạnh mẽ và quyết tâm của Việt Nam thực hiện các mục tiêu PTBV. Việt Nam cam kết mạnh mẽ từ Trung ương đến địa phương với việc thực hiện PTBV theo cách tiếp cận hệ thống và tổng hợp; quốc gia hóa các mục tiêu PTBV quốc tế và lồng ghép vào chiến lược, kế hoạch và các chương trình phát triển của quốc gia.

❖ *Bài học thứ hai: Huy động sự tham gia của các nhóm xã hội chính trong thực hiện phát triển bền vững*

Huy động sự tham gia của toàn dân trong thực hiện PTBV là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của tiến trình PTBV ở Việt Nam. Với cách tiếp cận mới trong công tác lập kế hoạch và chính sách, người dân (thông qua các tổ chức xã hội dân sự) được khuyến khích và tích cực tham gia vào quá trình tham vấn kế hoạch, tham vấn chính sách. Thông qua đó, chính người dân tham gia thực hiện thành công các mục tiêu PTBV. Quá trình tham gia của người dân cũng đóng góp phần tích cực vào nâng cao hiệu quả sử dụng

các nguồn lực hỗ trợ, tránh lãng phí, thất thoát vào những chi tiêu không hiệu quả hoặc không phù hợp với quy định của các chương trình phát triển.

Phát huy dân chủ ở cơ sở, tạo sự đồng thuận trong xã hội, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước là một bài học quan trọng cho mọi thắng lợi của Việt Nam.

❖ *Bài học thứ ba: Kết hợp phát huy nội lực với hợp tác quốc tế*

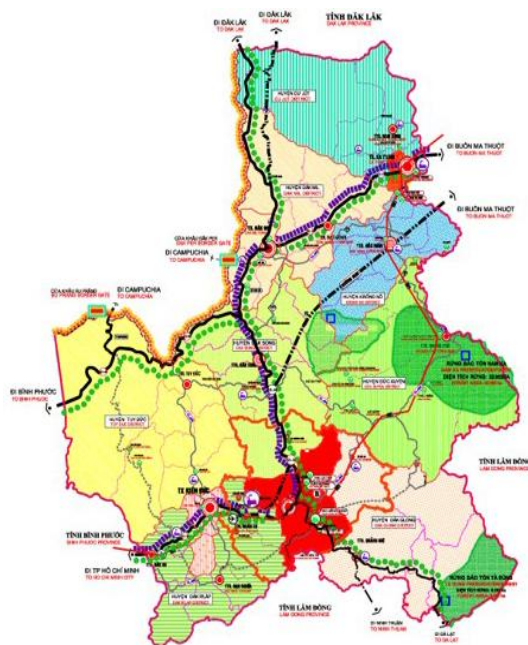
Việt Nam luôn chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, kết hợp nội lực với hợp tác quốc tế để phát triển đất nước. Trong công tác đối ngoại, Việt Nam luôn giữ quan điểm nhất quán: "... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế". Trong tiến trình PTBV, Việt Nam luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về PTBV và thực hiện đầy đủ các công ước quốc tế đoàn kết. Chính phủ chủ trương tiếp tục thực hiện các chính sách đổi mới, thu hút sự tham gia của các cá nhân, tổ chức quốc tế trong việc thực hiện Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam; tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đặc biệt là chuyển giao các công nghệ sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tham gia tích cực các diễn đàn, hoạt động BVMT và PTBV toàn cầu; hợp tác chặt chẽ với các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho mục tiêu PTBV.

## CHƯƠNG II: NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN CỬA MÔI TRƯỜNG

### 2. Khái quát địa bàn nghiên cứu

#### 2.1. Điều kiện tự nhiên

##### 2.1.1. Vị trí địa lý



Khu vực xét nâng cấp đô thị gồm: 5 phường, 3 xã

Diện tích: Tổng diện tích đất tự nhiên 28.374,05 ha  
Đơn vị hành chính: 5 phường, 3 xã

Thị xã Gia Nghĩa nằm ở phía Nam tỉnh Đắk Nông có tọa độ địa lý: 11052'08" -12010'01" vĩ độ Bắc; 107031' 45" -107050' 11" kinh độ Đông, bao gồm các đơn vị hành chính:

- Phường Nghĩa Đức, Nghĩa Thành, Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, Nghĩa Trung và các xã Đắk R' moan, Quảng Thành, Đắk Nĩa. Khu vực thị xã giáp với các địa danh sau:

- + Phía Bắc giáp với huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông.
- + Phía Nam giáp với huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- + Phía Tây giáp với huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
- + Phía Đông giáp với huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông.

- Là thị xã tinh ly, trung tâm hành chính - chính trị, trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội và trung tâm khoa học chuyển giao công nghệ của Tỉnh Đắk Nông;

- Thị xã Gia Nghĩa cách thành phố Buôn Ma Thuột 120km về phía Bắc - Đông Bắc, TP. Hồ Chí Minh 235 km về phía Nam. Trong khu vực nghiên cứu có Quốc lộ 14 nối Thị xã Gia Nghĩa với TP Buôn Ma Thuột và các Tỉnh Bình

Phước, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh. Quốc lộ 28 nối Thị xã Gia Nghĩa với các Tỉnh Lâm Đồng ra vùng duyên hải ven biển Nam Trung Bộ.

### 2.1.2. Địa hình



**626m**

Độ cao trung bình của thị xã Gia Nghĩa

## Cao nguyên

408 loài thực vật, 58 loài động vật có vú, 127 loài chim và 33 loài bò sát sống ở Khu bảo tồn Nam Nung với độ cao trung bình 626m. Do đó, cao nguyên trung tâm có tiềm năng rất lớn về nguồn tài nguyên thiên nhiên và du lịch sinh thái.

Gia Nghĩa nằm về phía Tây Nam vùng Tây Nguyên và cuối của dãy Trường Sơn, nằm trọn trong khối Cao Nguyên cổ Đăk Nông - Đăk Mil.

Có địa hình phức tạp bao gồm các dãy đồi chạy theo hướng bắc nam, xen kẽ các đồi dạng bát úp cùng nhiều dãy đồi núi mập mô xen kẽ nhiều khe suối tự nhiên lớn, nhỏ tạo thành địa hình bị chia cắt mạnh, địa hình thị xã thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ đông sang tây. Độ dốc tự nhiên dao động từ 4 -25 độ (tùy theo từng khu vực). Độ cao trung bình là 680m so với mặt nước biển, nơi cao nhất đạt 926m.

Địa hình như vậy không thuận lợi trong canh tác nông nghiệp, xây dựng giao thông, xây dựng các công trình, nhưng lại cho ta cảnh quan sinh động, thơ mộng và có thể tạo nên nét đặc trưng riêng về kiến trúc không gian đô thị cho TX. Gia Nghĩa.

### 2.1.3. Khí hậu

Thị xã Gia Nghĩa nằm trong vùng khí hậu cao nguyên Đăk Nông - Lâm Viên - Bảo Lộc, trong khu vực Nam Tây Nguyên. Đặc trưng khí hậu một năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

Lượng mưa trung bình năm khoảng 2339mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa.

Nhiệt độ:

- Nhiệt độ trung bình năm khoảng: 22<sup>0</sup>C
- Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối: 7,4<sup>0</sup>C

- Nhiệt độ tối cao tuyệt đối: 39,4<sup>0</sup>C
- Biên độ nhiệt trong ngày dao động trung bình: 4 -6<sup>0</sup>C
- Nhiệt độ trung bình tháng trong năm 22,90 (trong vòng 10 năm).
- Chế độ nhiệt trong vùng khá phong phú với tổng số giờ nắng trong năm khá cao đạt 2400 -2500 giờ/năm.

Lượng bốc hơi trung bình năm: 1000mm.

Độ ẩm không khí cao khoảng 82%.

Gió: có hai hướng gió chính hoạt động theo mùa: về mùa khô có gió Đông Bắc với vận tốc trung bình 4,5m/s; về mùa mưa có gió Tây Nam với vận tốc trung bình 0,5m/s.

Nhận xét: Ưu điểm nổi bật nhất là khí hậu ôn hoà, nhiệt độ trung bình năm thấp, mùa hè dịu mát, mùa đông không quá lạnh. Biên độ dao động nhiệt ngày đêm thấp, thuận lợi cho công tác xây dựng, phát triển đô thị mang tính du lịch nghỉ dưỡng quanh năm.

#### **2.1.4. Tài nguyên nước**

Nước mặt: Nhìn chung các con suối trên địa bàn TX. Gia Nghĩa tương đối nhiều, nhưng lòng sông hẹp, dốc, lũ lớn trong mùa mưa và kiệt nước trong mùa khô. Vì vậy rất hạn chế khả năng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. Có hai con suối chính là suối Đăk R’Tih và suối Đăk Nông là nguồn nước chính cho khu vực trung tâm TX. Suối Đăk Nông có lưu lượng trung bình 12,44m<sup>3</sup>/s, lưu lượng lớn nhất ước tính khoảng 87,8m<sup>3</sup>/s và nhỏ nhất 0.5m<sup>3</sup>/s. Suối Đăk R’Tih đang được ngành công nghiệp điện khai thác xây dựng thủy điện và một phần phục vụ nước sinh hoạt, sản xuất cũng như nhu cầu của TX và khu vực lân cận. Ngoài ra, trên địa bàn TX còn có nhiều hồ, đập cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt dân cư.

Nước ngầm: Nguồn nước ngầm trong vùng Cao Nguyên Đăk Nông nói chung và trên địa bàn TX nói riêng có nhiều mặt hạn chế. Nước ngầm được khai thác bằng các giếng khoan, giếng đào, nhưng do mực nước ở tầng sâu nên chi phí đầu tư lớn, vì vậy cần phải bảo vệ rừng, trồng nhiều cây xanh, xây dựng nhiều hồ đập để giữ nước, giữ ẩm, nâng cao mạch nước ngầm, nhằm tạo điều kiện phát triển bền vững trên địa bàn TX. Gia Nghĩa.

#### **2.1.5. Tài nguyên rừng**

Theo thống kê đất đai năm 2010, diện tích lâm nghiệp thị xã Gia nghĩa có 4.390 ha, chiếm 7,8% tổng diện tích tự nhiên. Ngoài ra còn có 1.266 ha đất chưa sử dụng, trong thời gian tới cần phải được rà soát đưa vào trồng cây lâm nghiệp đối với những diện tích phù hợp để tăng độ che phủ, lấy gỗ, góp phần bảo vệ tài nguyên đất, nước, hình thành lá phổi xanh nhằm cải thiện môi trường sinh thái, đảm bảo cho phát triển KT\_XH bền vững nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

## **2.2. Đặc điểm về dân số, dân cư, nguồn nhân lực và các vấn đề xã hội**

### **2.2.1. Dân số**

#### **2.2.1.1. Dân số tăng**

Dân số trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa năm 2010 là 44.909 người. Tốc độ tăng b/q dân số giai đoạn 2006 -2010 là 7,94%, riêng năm 2010 chỉ tăng 2%.

Về tăng dân số cơ học: có 2 năm, 2008 và 2009 tăng dân số cơ học đột biến đạt 4,76% và 7,94%, nhưng năm 2010 chỉ tăng 0,27%.

#### **2.2.1.2. Biến động về giới tính**

Nhịp độ tăng bình quân dân số nam là 4,28%, nhịp độ tăng bình quân nữ là 4,67%/năm.

Tỷ trọng nam luôn cao hơn nữ. Tuy nhiên, tỷ trọng nam có xu hướng giảm. Năm 2005 chiếm 53,24%, năm 2010 còn 52,79%. Tỷ trọng nữ luôn nhỏ hơn nam nhưng có xu hướng tăng, năm 2005 chiếm 46,76%, năm 2010 tăng lên 47,21%.

#### **2.2.1.3. Tỷ lệ đô thị hóa**

Năm 2010, dân số nội thị là 30.556 người, chiếm 68,04%. Tức là quá trình đô thị hóa đạt 68,04%. Tốc độ tăng dân số nội thị trong 5 năm qua là 3,92%/năm, thấp hơn khu vực ngoại thị.

Dân số ngoại thị năm 2010 là 14.353 người, chiếm 31,96%. Tốc độ tăng bình quân dân số ngoại thị trong 5 năm (2005 -2010) là 5,69%/năm.

Như vậy, tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa trong 5 năm qua giảm -1,81%.

#### **2.2.1.4. Thành phần dân tộc**

Hiện nay, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa có khoảng 6,82 ngàn người, chiếm 15,2% tổng dân số thị xã. Đời sống đồng bào dân tộc ít người nhìn chung đang từng bước được cải thiện.

#### **2.2.1.5. Trình độ dân trí**

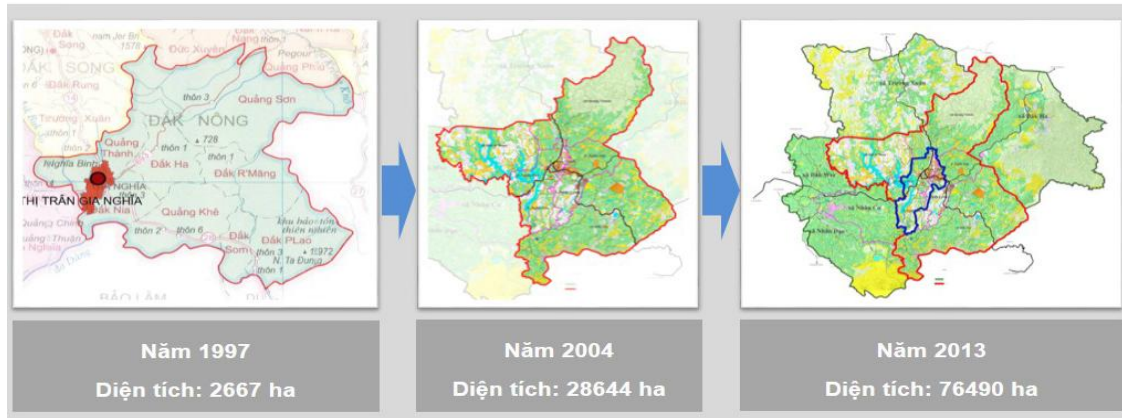
Trình độ dân trí trên địa bàn thị xã đang từng bước được nâng lên đáng kể. Từ năm 2000, các xã và thị trấn trên địa bàn đã được công nhận xóa mù chữ và phổ cập tiêu học. Năm 2006 được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Từ năm 2007 được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ trong độ tuổi từ 15 -35 ở các xã, phường.

### **2.2.2. Nguồn lao động và việc làm**

Năm 2010. Tỷ lệ số người trong độ tuổi lao động (TĐTLĐ) so với tổng dân số khá cao, chiếm trên 52,8%; số người làm việc trong các ngành kinh tế chiếm 49% so với tổng số dân, tăng bình quân 5,56% giai đoạn 2006 -2010. Năm 2010, số người làm việc tăng thêm 5.215 người so với năm 2005. Có nghĩa trong vòng 5 năm tăng thêm 5.215 chỗ làm việc, trung bình mỗi năm thị xã đã tạo trên 1.000 chỗ làm việc mới.

## **2.3. Lịch sử hình thành Gia Nghĩa**

- Trước thế kỷ XV vùng Tây Nguyên (trong đó có đô thị Gia Nghĩa) vẫn chưa có hệ thống hành chính hoàn chỉnh. Về cơ bản vẫn là vùng đất với xã hội được vận hành theo luật tục của các buôn làng độc lập Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII vùng đất Đăk Nông đang dưới quyền cai trị của chính quyền chúa Nguyễn. Đến đầu thế kỷ thứ XIX Tây Nguyên thành vùng đất thuộc sự cai trị của thực dân Pháp.



- Năm 1942 Đăk Lăk chia thành 3 quận và 2 đại lý. Trong đó vùng đất Gia Nghĩa và Đăk Nông ngày nay thuộc đại lý Đăk Dam.

- Năm 1945 địa bàn Gia Nghĩa và huyện Đăk Nông thuộc huyện Di Linh tỉnh Đồng Nai Thượng. Do chiến tranh chống thực dân Pháp cả nước hình thành 14 chiến khu, địa bàn Gia Nghĩa thuộc chiến khu VI – còn được gọi là khu Tây Nguyên. Sau đó hợp nhất với Khu V thành Liên Khu Nam Trung Bộ.

- Năm 1954 vùng Tây Nguyên nói chung, Đăk Lăk nói riêng do chính quyền Sài Gòn quản lý.

- Năm 1958 Đăk Lăk được chia thành 5 quận. Gia Nghĩa thuộc vùng đất nằm trong Quận Đăk Song.

- Năm 1959 một phần phía Tây của Đăk Lăk được tách ra thành lập tỉnh Quảng Đức. Địa giới hành chính tỉnh Quảng Đức về cơ bản giống như địa giới hành chính tỉnh Đăk Nông ngày nay và tỉnh lỵ đặt tại Gia Nghĩa. Tỉnh Quảng Đức gồm 3 quận: Kiến Đức, Khiêm Đức và Đức Lập. Trong đó thị xã Gia Nghĩa là 1 trong 4 xã thuộc quận Khiêm Đức với dân số năm 1960 là 1326 người.

- Năm 1961 huyện Khiêm Đức (bao gồm địa bàn thị xã Gia Nghĩa ngày nay) sát nhập vào tỉnh Lâm Đồng.

- Năm 1965, tỉnh Quảng Đức được chính quyền cách mạng lập lại và địa bàn Gia Nghĩa, huyện Khiêm Đức lại chuyển về tỉnh Quảng Đức.

- Năm 1971 tỉnh Quảng Đức giải thể, huyện Khiêm Đức và địa bàn Gia Nghĩa được chuyển về tỉnh Lâm Đồng.

- Năm 1975 tỉnh Quảng Đức được tái lập, huyện Khiêm Đức (trong đó có thị xã Gia Nghĩa ngày nay) được chuyển từ Lâm Đồng về Quảng Đức.

- Gia Nghĩa là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh Quảng Đức cũ. Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đến tháng 5/1975 thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, hai tỉnh Đắk Lắk và Quảng Đức sát nhập lại và lấy tên là tỉnh Đắk Lắk. Các huyện Kiến Đức, Khiêm Đức và Gia Nghĩa sát nhập thành huyện Đắk Nông. Thị trấn Gia Nghĩa trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục của huyện Đắk Nông.

- Năm 1997, thị trấn Gia Nghĩa đã được lập quy hoạch chung trên cơ sở phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện Đắk Nông và theo hướng CNH, HĐH. Trải qua 6 năm xây dựng và phát triển, thị trấn Gia Nghĩa đã có những thay đổi nhưng ở bước chậm.

- Theo nghị quyết số 22/2003/QH11 ngày 26/11//2003 chia tách tỉnh Đắk Lắk cũ thành hai tỉnh mới là tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk. Tỉnh Đắk Nông được thành lập ngày 01/01/2004. Đây là một trong những chủ trương mang tính chiến lược thể hiện sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Sau khi thành lập, Đắk Nông trở thành một tỉnh có vị trí địa lý – kinh tế - quốc phòng quan trọng đối với vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Tháng 6 -2005, thị xã Gia Nghĩa (Đắk Nông) chính thức được thành lập theo Nghị định số 82/2005/NĐ -CP của Chính phủ trên cơ sở thị trấn Gia Nghĩa và một phần của huyện Đắk Nông cũ, với diện tích tự nhiên là 28.664 ha, dân số 35,559 nhân khẩu, gồm tám đơn vị hành chính phường, xã. Sau 38 năm giải phóng, nhất là sau 10 năm thành lập, từ một thị trấn nhỏ heo hút, đến nay Gia Nghĩa đã trở thành một đô thị mới trên Cao nguyên và đang hướng tới trở thành một đô thị phát triển.

- Cho đến nay, hình ảnh đô thị Gia Nghĩa đã trở thành một đô thị tiêu biểu, có bản sắc văn hóa đặc thù xứng đáng với vị thế là một đô thị trung tâm quan trọng của Khu vực Tây Nguyên.

## 2.4. Tác động của đô thị hóa đến môi trường tự nhiên

### 2.4.1. Thu hồi diện tích đất nông nghiệp

ĐVT: ha	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng, giảm (ha)
Tổng DT gieo trồng	9.876	9.569	9.290	8.591	8.654	8.720	-1.156
I. Cây hàng năm	3.032	2.764	2.260	1.620	1.507	1.529	-1503
1. Cây lương thực có hạt	453	392	338	303	294	264	-189
Lúa	210	156	116	118	124	114	-96
Ngô	243	236	222	185	170	150	-93
2. Cây chất bột	2.182	2.174	1.729	1.139	1.039	1.090	-1.092



3. Cây thực phẩm	213	161	167	159	158	159	-54
4. Cây CN hàng năm	184	37	26	19	16	16	-168
II. Cây lâu năm	6.844	6.805	7.030	6.971	7.147	7.191	347
5. Cây CN lâu năm	6.416	6.415	6.627	6.643	6.832	6.853	437
Chè	58	58	58	58	58	58	0
Cà phê	4.500	4.500	4.500	4.500	4.587	4.595	95
Cao su	109	120	321	380	507	520	411
Hồ tiêu	415	393	394	405	380	380	-35
Điều	1.334	1.334	1.354	1.300	1.300	1.300	-34
6. Cây ăn quả	345	334	323	253	275	198	-147
7. Cây lâu năm khác	83	56	80	75	40	140	57

(Nguồn: báo cáo “*Quy hoạch tổng thể phát triển KT -XH thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2011 -2020*”)

Tổng diện tích gieo trồng năm 2010 là 8.720 ha, giảm -1.156 (11,7%) so với năm 2005 (9.876 ha).

Diện tích cây trồng giảm, nguyên nhân chính là do quá trình đô thị hóa, một số diện tích đất nông nghiệp chuyển sang một số dự án phát triển kinh tế khu đô thị mới, du lịch, cơ sở hạ tầng đô thị, hồ thủy điện,...

#### 2.4.2. Suy thoái tài nguyên

##### 2.4.2.1. Suy thoái tài nguyên đất

Đăk Nông nói chung và Gia Nghĩa nói riêng từ lâu đã nổi tiếng với những dải đất bazan màu mỡ, thích hợp cho sự phát triển của nhiều loại cây trồng: cà phê, hồ tiêu, các loại cây ăn quả... thế nhưng phần lớn đất đai ở đây đều nằm trên thế đất dốc, chịu tác động của khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều và tập trung theo mùa nên quá trình xói mòn và hàng loạt hiện tượng thổ nhưỡng bất lợi khác như rửa trôi bề mặt và thoái hóa hóa học không ngừng xảy ra, làm suy giảm nhanh chóng độ phì nhiêu. Ngoài ra quá trình thoái hóa đất còn do các tác động của con người gây nên. Các phương thức độc canh cây ngắn ngày, bón phân không hợp lý, sử dụng thuốc trừ sâu không đúng kỹ thuật... đã làm cho đất đai trong vùng thị xã đang có nguy cơ bị thoái hóa, dẫn đến sự suy giảm mạnh các chất dinh dưỡng và độ phì nhiêu của đất, làm mất khả năng sản xuất của đất. Đây là một nguy cơ hiện hữu đối với nguồn tài nguyên đất - tư liệu sản xuất đặc biệt không gì thay thế, đi ngược lại mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội

Ngoài ra, một nguyên nhân nữa cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự thoái hóa đất trên địa bàn thị xã đó là nhiều diện tích đất không có rừng che phủ, lượng nước ngầm trong đất cũng bị suy kiệt, độ ẩm của đất cũng giảm, các vi

sinh vật trong đất cũng mất theo nên dẫn đến một số vùng xuất hiện sa mạc hóa, hạn hán quanh năm, cây khô cằn không phát triển được... và dưới tác động của các áp lực gia tăng dân số, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu, xu thế thoái hóa đất và hoang mạc hóa ở Gia Nghĩa được cảnh báo sẽ mở rộng về diện tích và gia tăng cường độ, ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

#### 2.4.2.2. Suy thoái tài nguyên sinh vật

##### a. Suy giảm diện tích rừng

	Diện tích năm 2010	Diện tích năm 2014	Tăng giảm (ha)
<b>Đất lâm nghiệp</b>	4.843,04	3.018,79	-1.824,25
<b>Đất rừng SX</b>	4.843,04	3.018,79	-1.824,25

Trong vòng 4 năm, diện tích rừng ở thị xã Gia Nghĩa giảm 1.824,25 ha, nguyên nhân suy giảm thì rất nhiều, chủ yếu là do sự khai thác trái phép quá mức của con người, ngoài ra còn do sự chuyển đổi mục đích sử dụng cho quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng mạnh của Gia Nghĩa, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, các dự án, các khu vui chơi giải trí, ....

Sự suy giảm tài nguyên rừng biểu hiện trước hết và rõ nét thông qua việc suy giảm diện tích. Trước đây phần lớn thị xã Gia Nghĩa có rừng che phủ, nhưng chỉ khoảng thời gian qua, rừng bị suy thoái nặng nề, do tình hình kinh tế đang ngày càng được chuyển biến theo hướng công nghiệp hóa, sự gia tăng nhanh của dân số đô thị, quá trình đô thị hóa ngày càng mạnh mẽ, nhu cầu sử dụng gỗ và lâm sản ngày càng tăng. Do việc phá rừng vì nhiều mục đích khác nhau trở thành vấn đề bất cập ở đây.

Rừng tự nhiên của Gia Nghĩa có trữ lượng gỗ tương đối lớn, tuy nhiên nó đang bị khai thác dần với mức độ ngày càng mạnh và hành vi ngày càng tinh vi, vì vậy rất khó cho công tác kiểm soát rừng của cán bộ kiểm lâm và các lực lượng bảo vệ rừng, do vậy chính quyền địa phương cần phải nhanh chóng kết hợp nhiều giải pháp đồng bộ nhằm hạn chế hiện trạng khai thác bừa bãi rừng của cư dân nơi đây.

Cho tới nay thì người ta thấy rừng giàu chỉ còn tồn tại ở những khu vực cực xa so với khu dân cư, địa hình hiểm trở, đi lại cực khó khăn, không thể vận chuyển được, rừng trung bình, rừng nghèo, rừng kiệt chiếm đa số thì bị người dân tàn phá nặng nề. So với giai đoạn trước, thì gần đây rừng ở huyện Gia Nghĩa đã suy giảm nghiêm trọng về trữ lượng, ảnh hưởng tới khả năng phòng hộ, cuộc sống của dân cư vùng đệm.

##### b. Suy thoái thành phần loài

Rừng ở Gia Nghĩa thuộc hệ kín thường xanh vùng nhiệt đới, đa dạng về thành phần loài, nhiều tầng tán. Nhờ được cung cấp lượng mưa lớn hàng năm, nhiệt độ khá cao nên cây cối sinh trưởng nhanh, hệ thực vật phong phú.

Đề đánh giá được suy thoái thành phần loài khu vực này rất khó khăn, ít có các công trình nghiên cứu cụ thể về động thực vật, chỉ có các sơ lược báo cáo của Hạt kiểm lâm. Các số liệu về thành phần loài không thể thu thập cụ thể, vì thế công tác thực địa và phỏng vấn chính người đi rừng đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá.

Theo anh Trần Quang Phú (Trú tại Thôn Tân Thịnh – xã Quảng Thành) thì trong rừng chỉ có khoảng vài trăm loài thực vật, tuy nhiên tất cả trong số đó bị khai thác gần như kiệt quệ, các loài gỗ lớn như: Lim, sến, táu, nang, gụ lau, chò chỉ, trầm hương, giổi dạ hương, huệ mộc, cánh kiến, gõ, mun ... thì chỉ sót lại ở những cánh rừng xa tít có địa hình hiểm trở không thể vận chuyển được, còn những cánh rừng gần, cách khu dân cư khoảng 15 km thì bị người dân tàn phá hết, chỉ còn trơ lại những loài không có giá trị, thảm mục, cây bụi...



Theo kết quả điều tra thuộc dự án bảo tồn loài, trong số 273 loài động vật rừng được ghi nhận tại Gia Nghĩa, có nhiều loài có giá trị rất lớn về mặt kinh tế, đa dạng sinh học, phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch...

Cụ thể, trên địa bàn Gia Nghĩa hiện có nhiều loài động vật quý hiếm thuộc nhóm IB (nhóm các loài động vật nghiêm cấm khai thác vì mục đích thương mại) như: khỉ đuôi lợn, trút, chó sói, gấu ngựa, rái cá bé, rái cá lông mượt, mèo rừng, báo gấm, mèo gấm, beo lửa, bò tót, sơn dương, mang Trường Sơn, mang lớn,...



Tuy nhiên, trên thực tế thì hiện nay các loài động vật có xương sống tại Gia Nghĩa đang bị suy giảm nhanh về số lượng do hoạt động săn bắn quá mức của con người. Các loại động vật có vú như hổ, gấu... không còn xuất hiện ở những khu rừng mà trước đây chúng thường xuất hiện.

### ***2.4.3. Ô nhiễm môi trường***

#### ***2.4.3.1. Ô nhiễm môi trường nước***



***Các cán bộ của Thanh tra Sở Tài nguyên - Môi trường Đắk Nông và Phòng Cảnh sát môi trường (Công an tỉnh) lấy mẫu nước thải.***



Hiện nay tình trạng ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra ngày càng trầm trọng ngay trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, cùng với sự xuất hiện của nhiều nhà máy, xí nghiệp, nhiều công ty khai thác, chế biến, hay các cơ sở sản xuất nhỏ,... đã thải ra một lượng rác thải khổng lồ ra nguồn nước, các hồ, sông, suối,... khiến cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước ngày càng nặng nề hơn, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân nơi đây.

#### 2.4.3.2. Sự gia tăng của rác thải



Theo tính toán sơ bộ, trên địa bàn nội thị, lượng rác thải sinh hoạt trung bình khoảng 25 - 30 tấn/ngày - đêm, những ngày lễ và các ngày trong mùa trái cây lượng rác có thể tăng thêm.

Hiện nay, việc thu gom và công nghệ xử lý rác thải trên địa bàn thị xã còn nhiều hạn chế, chủ yếu bằng thủ công, chưa đảm bảo yêu cầu về môi trường.

Tại tổ 8, phường Nghĩa Phú, đang tồn đọng một bãi rác tạm thời khổng lồ của thị xã, bãi rác chỉ cách nhà dân chừng, ... vài chục mét. Người dân hai bên đường lãnh đủ bụi bặm, mùi hôi thối, nước thải... đã vậy, bãi rác lại còn nằm ngay đầu nguồn con suối - một nhánh của suối lớn Đắc R'tih - nên ô nhiễm nguồn nước trên diện rộng là điều khó tránh khỏi.

Nguyên nhân là do Công ty Nghĩa Hà không phân loại rác, không xử lý nước, không khử mùi hôi, diệt ruồi nhặng nên mức độ ô nhiễm càng nghiêm trọng hơn.

Hiện lượng rác thải đã tăng gấp hàng chục lần nên bãi rác quá tải, gây ô nhiễm cả nước mặt, nước ngầm, không khí. Dân "kêu" nhiều, nhưng chính quyền vẫn không biết di dời đi đâu vì Đắc Nông chưa có bãi rác tập trung, đúng quy chuẩn.

Ông Phạm Văn Quý - Giám đốc Công ty cấp thoát nước và công trình đô thị Đắc Nông - cho biết: “Bãi rác hiện đại 12ha của Đắc Nông đã hình thành trong dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật các đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, vốn vay ADB, khởi công vào... giữa năm 2010. Vì vậy, lượng rác thải sinh hoạt do Công ty Nghĩa Hà thu gom trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa (30 tấn/ngày) vẫn tiếp tục được "đổ tạm", "xử lý tạm" và gây ô nhiễm trong nhiều năm nữa”.

## ***2.5. Tác động của đô thị hóa đến môi trường nhân tạo***

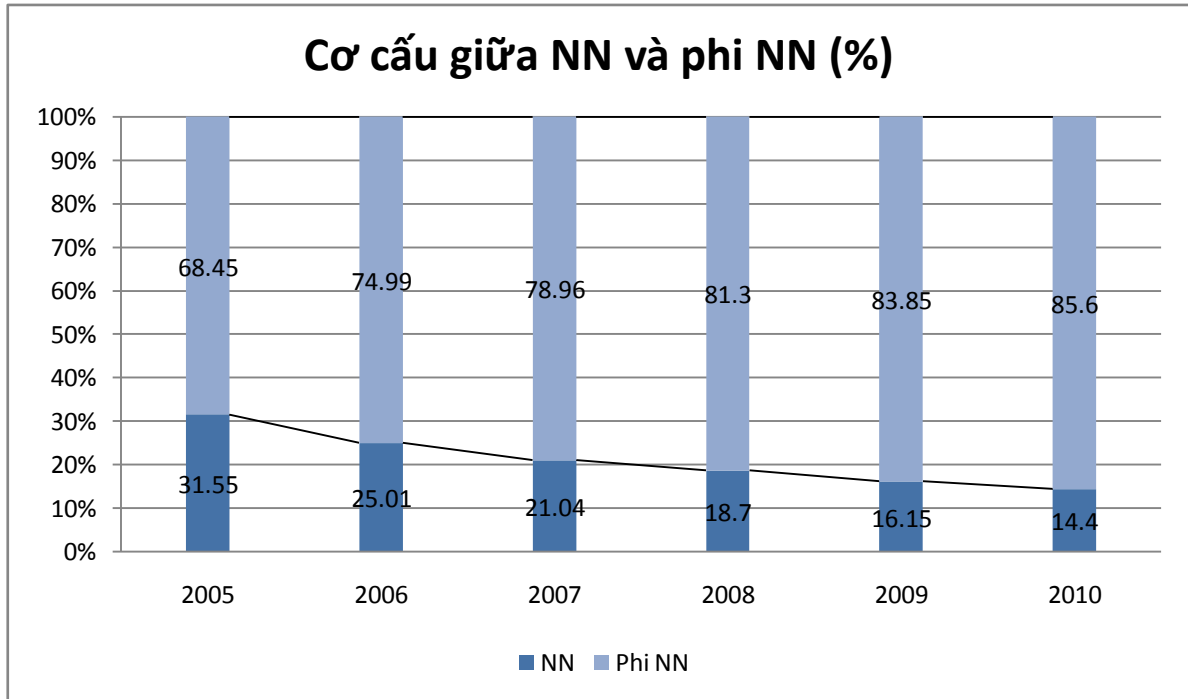
### ***2.5.1. Hoạt động phi nông nghiệp tăng***

#### ***2.5.1.1. Cơ cấu giữa nông nghiệp và phi nông nghiệp***

Tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế thị xã và có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ, giảm tỷ trọng nông nghiệp (NN) và tăng tỷ trọng phi NN. Năm 2010, tỷ trọng GDP NN theo giá hiện hành (hh) chiếm 14,4%, giảm -17,15% so với năm 2005, khu vực phi NN chiếm 85,6%, tăng 17,15% so với năm 2005.

#### ***- Cơ cấu giữa nông nghiệp và phi nông nghiệp***

<b>ĐV: % giá hh</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>Tăng, giảm, % 2010 so với 2005</b>
CN-XD	53,91	51,25	53,21	53,75	48,29	45,43	-8,48
DV	46,09	48,75	46,79	46,25	51,71	54,57	8,48



Nguồn: Xử lý từ NQ HĐND thị xã về KH 5 năm 2011 -2015\

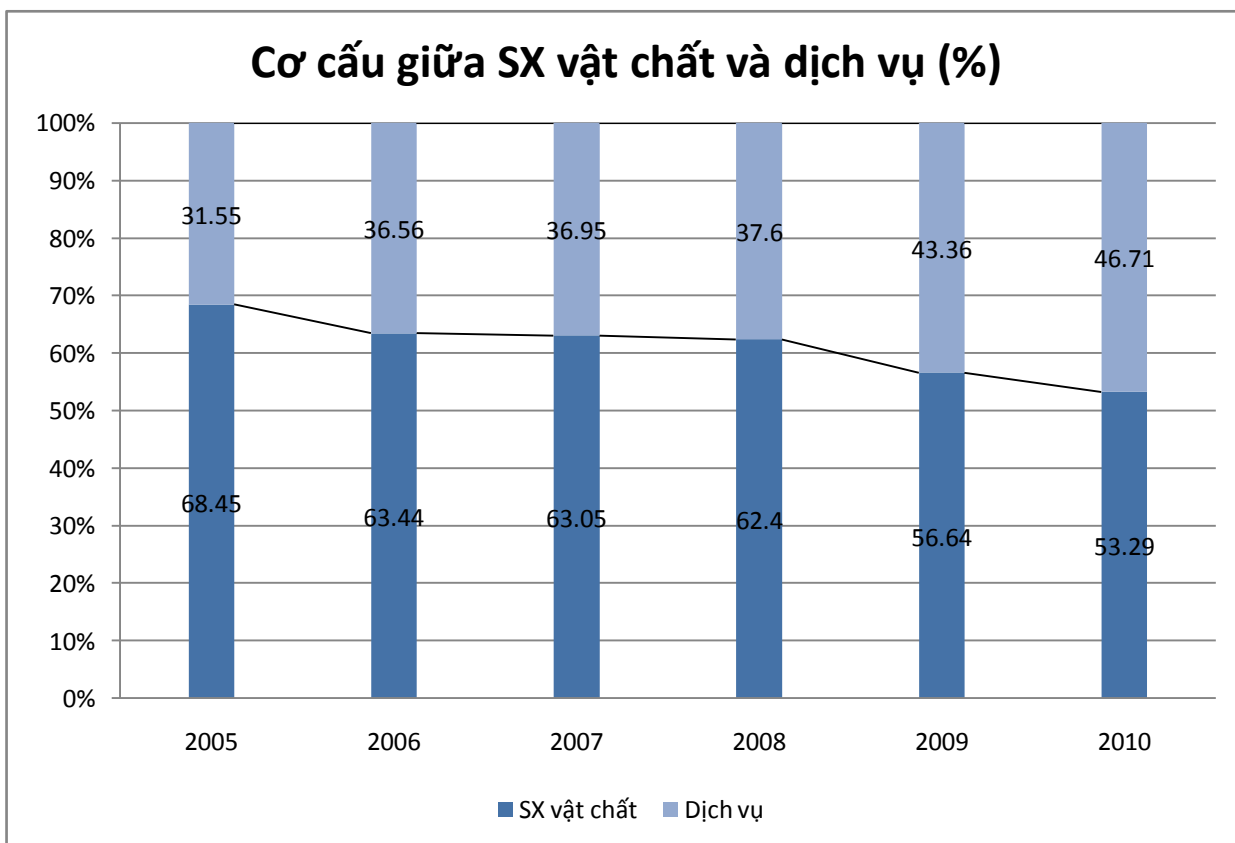
#### 2.5.1.2. Cơ cấu giữa khu vực sản xuất vật chất và dịch vụ

Tỷ trọng khu vực sản xuất vật chất có xu hướng giảm dần, khu vực dịch vụ tăng dần. Năm 2010, GDP khu vực sản xuất vật chất theo giá hiện hành chiếm 53,29% giảm -15,16% so với năm 2005; khu vực dịch vụ chiếm 46,71%, tăng 15,16% so với năm 2005.

#### Cơ cấu giữa khu vực sản xuất vật chất và dịch vụ

ĐV: % giá hh	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng, giảm, % 2010 so với 2005
<b>SX vật chất</b>	68,45	63,44	63,05	62,40	56,64	53,29	-15,16
<b>Dịch vụ</b>	31,55	36,56	36,95	37,60	43,36	46,71	15,16

Nguồn: Xử lý từ NQ HĐND thị xã về KH 5 năm 2011 -2015.



### 2.5.1.1. Cơ cấu giữa 3 khối ngành

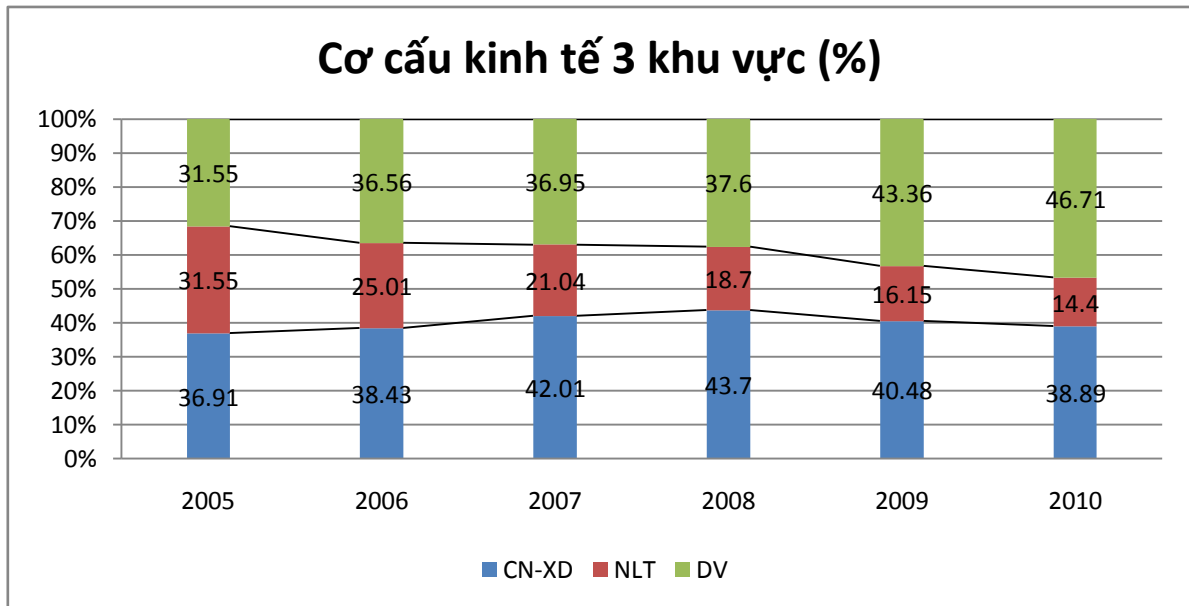
Cơ cấu giữa 3 khối ngành có sự chuyển dịch đúng hướng. Năm 2010, CN-XD chiếm 38,89%, tăng 1,99% so với năm 2005; NLT chiếm 14,4% giảm -17,15% so với năm 2005; Dịch vụ chiếm 46,71% tăng 15,16% so với năm 2005.

Cơ cấu giữa 3 khối ngành

ĐV: % giá hh	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng, giảm, % 2010 so với 2005
<b>CN-XD</b>	36,91	38,43	42,01	43,70	40,48	38,89	1,99
<b>NLT</b>	31,55	25,01	21,04	18,70	16,15	14,40	-17,15
<b>DV</b>	31,55	36,56	36,95	37,60	43,36	46,71	15,16

Nguồn: Xử lý từ NQ HĐND thị xã về KH 5 năm 2011 -2015.





## 2.5.2. Về việc đầu tư các công trình hạ tầng xã hội

### 2.5.2.1. Về nhà ở

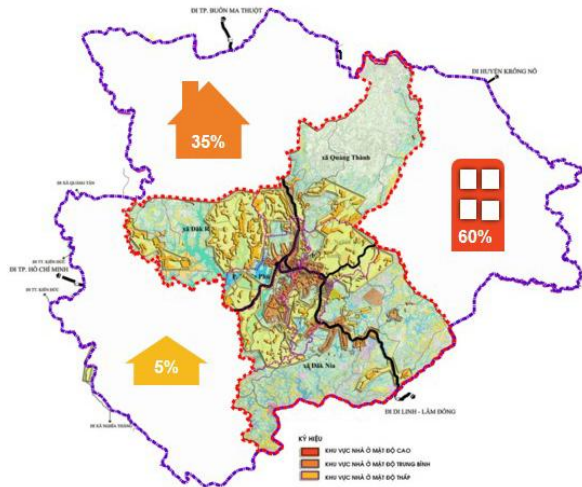
Nhà kiên cố



Nhà bán kiên cố



Nhà tạm



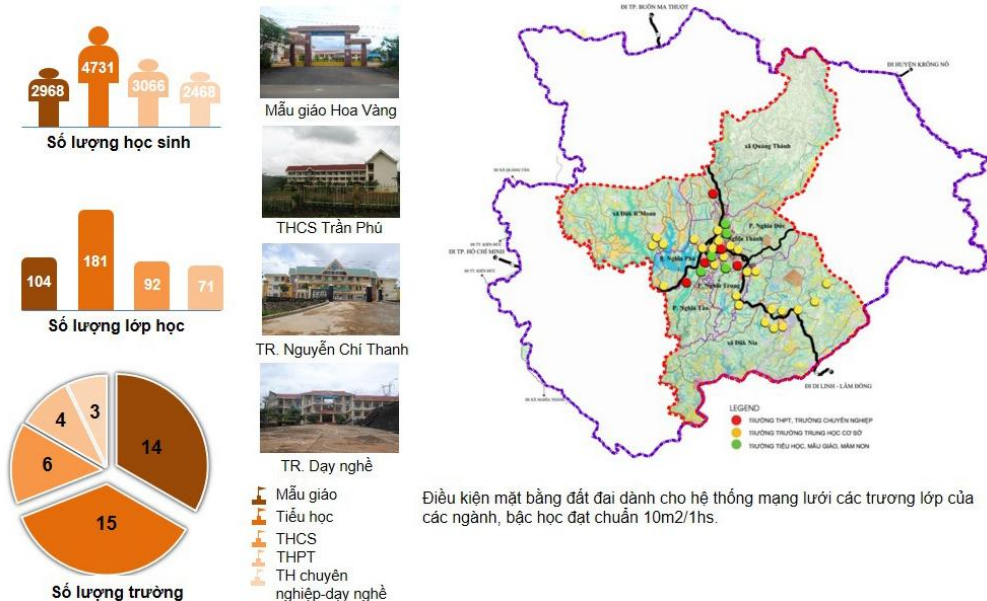
Đa dạng về loại hình và chất lượng: Nhà chia lô mật phố, nhà biệt lập ở khu vực đô thị, nhà biệt lập ở khu vực nông thôn, nhà hỗn hợp.  
 95% nhà khu vực nội thị xã là nhà kiên cố, bán kiên cố, chỉ có 5% là nhà tạm

Trong thời gian gần đây, tốc độ phát triển kinh tế của thị xã Gia Nghĩa khá nhanh, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Nhu cầu xây dựng từ nhà ở của cư dân đến các công trình công cộng, phúc lợi xã hội, nhà ở ngày càng được đầu tư xây dựng mới đồng bộ kiến trúc hiện đại mang đậm nét riêng của địa phương.

Đối với khu vực đô thị: Chất lượng nhà ở ngày được nâng cao đa dạng về chất lượng và trang trí nội, ngoại thất đã hình thành phổ biến loại nhà biệt thự,

nhà vườn kiến trúc đẹp cơ cấu căn hộ hợp lý, nhà ở kết cấu khung bê tông cốt thép đã lấn át nhà gỗ hoặc bô trụ gạch nhưng chủ yếu là nhà ở gia đình do nhân dân tự xây dựng. Việc huy động các doanh nghiệp lớn đầu tư phát triển nhà ở xã hội, chung cư chưa phát triển, kêu gọi vốn nước ngoài đầu tư nhà ở còn quá hạn chế. Nhà ở xã hội cho các đối tượng thu nhập thấp, học sinh, sinh viên, công nhân phục vụ cho các khu công nghiệp chưa có.

2.5.2.2. Về các công trình giáo dục và đào tạo



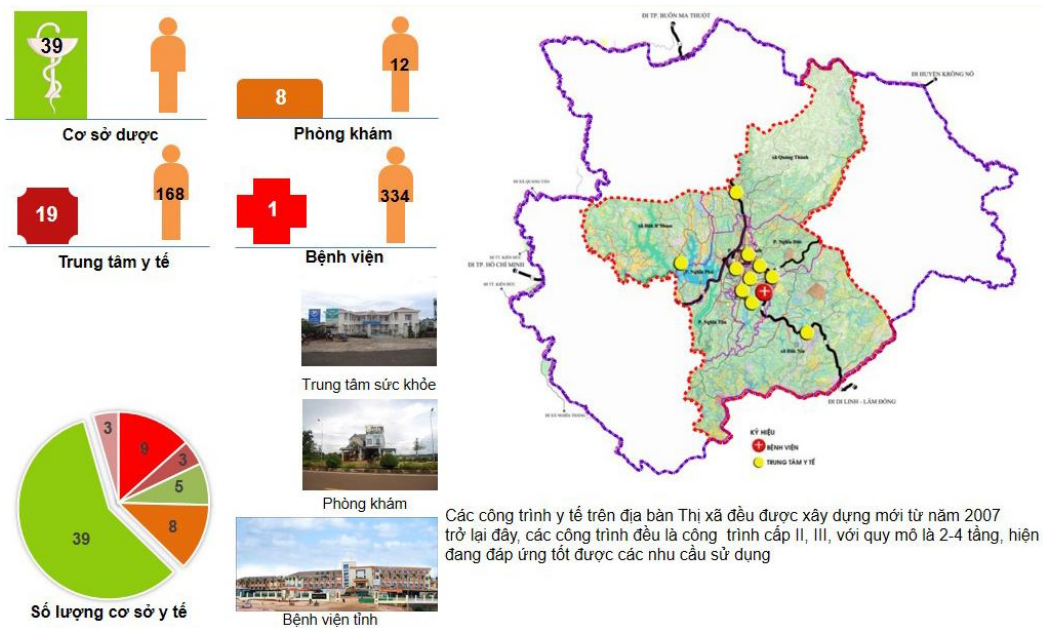
Các công trình đào tạo trên địa bàn thị xã được đầu tư xây dựng tương đối tốt từ cấp giáo dục mầm non cho đến cấp cao đẳng, dạy nghề.

Nhận xét chung: Điều kiện mặt bằng đất đai dành cho hệ thống mạng lưới các trường lớp của các bậc học nhìn chung đạt chuẩn 10m<sup>2</sup>/1hs. Điều kiện trường học, lớp học đảm bảo, tỷ lệ phòng học kiên cố còn hạn chế.

Đánh giá tiềm năng nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu phát triển

Tổng số học sinh từ mầm non đến THPT trên địa bàn là 10.765 học sinh trên tổng dân số là 61.413 người cho thấy tiềm năng về nguồn nhân lực của đô thị Gia Nghĩa trong tương lai là rất lớn. Chính quyền thị xã đang có các biện pháp để phát triển giáo dục như tăng cường xã hội hóa giáo dục đào tạo nhằm thu hút mọi nguồn lực đẩy mạnh phát triển giáo dục; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển giáo dục; đào tạo nghề; tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục; tập trung phát triển cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc nhằm nâng cao trình độ dân trí; có chính sách hỗ trợ cho con em đồng bào dân tộc thiểu số.

2.5.2.3. Về các công trình y tế



Công tác y tế đã có chuyển biến rất tích cực trong những năm qua, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo đảm quy định hành nghề y dược tư nhân và vệ sinh an toàn thực phẩm. Các công trình y tế được đầu tư xây dựng kiên cố, đầu tư các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa hiện nay có bệnh viện đa khoa tỉnh mới được xây dựng, quy mô 300 giường bệnh gồm có 60 bác sỹ, 156 y tá, một trung tâm y tế thị xã đủ để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

Trong năm năm qua công tác y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được đẩy mạnh, số xã được xây dựng trạm xá theo tiêu chuẩn Quốc gia là 8 xã phường, Hiện nay có 02 phường đạt 10 tiêu chí quốc gia về y tế ( phường Nghĩa Tân và phường Nhĩa Phú). Dự kiến đến hết năm 2013, có thêm xã Đăk R’ Moan đạt 10 tiêu chí quốc gia về y tế.

Các công trình y tế trên địa bàn đều được xây dựng mới từ năm 2007 trở lại đây, các công trình đều là công trình cấp II, III, với quy mô là 2 -4 tầng, hiện đang đáp ứng tốt được các nhu cầu sử dụng.

2.5.1.3. Về các công trình thương mại dịch vụ

Hiện nay có 01 chợ Trung tâm với diện tích 0,5 ha được gắn kết với khu nhà ở kết hợp dịch vụ tại phường Nghĩa Thành trung tâm đô thị. Ngoài ra, rải rác tại các khu dân cư có 1 số chợ tạm chủ yếu phục vụ cung cấp lương thực hàng ngày và chỉ hoạt động 1 thời gian ngắn nhất định trong ngày.

Trên địa bàn thị xã chưa có trung tâm thương mại.

Tại các khu vực trung tâm, khu vực tập trung dân cư và trên các trục đường chính hầu hết là hình thức nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ.

Hiện nay có dự án đầu tư siêu thị Co.opmark Đắc Nông đã xác định vị trí gần cầu Đắc Nông với diện tích 6.000m<sup>2</sup> và dự án Trung tâm thương mại Gia Nghĩa.

Trung tâm chợ Gia Nghĩa



Chợ Gia Nghĩa



Chợ tạm



Nhà ở kết hợp thương mại



1 chợ trung tâm – chợ Gia Nghĩa, quy mô 0,5ha, Phường Nghĩa Thành  
Trên địa bàn các phường, xã chủ yếu là chợ tạm.  
Nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tập trung tại các khu vực trung tâm trên các trục đường chính và nơi tập trung dân cư: salon ô tô Tân Tân Phát, trung tâm vui chơi giải trí Victory, cửa hàng xe máy Lai Hương, cửa hàng xe máy Tân Hòa Lợi, trung tâm điện máy Minh Sang.



Theo dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Đắc Nông đến năm 2020:

**+ Giai đoạn 2011 – 2015:**

- Xây dựng trung tâm thương mại tại thị xã Gia Nghĩa dự kiến quy mô hạng II có diện tích kinh doanh từ 25.000 – 30.000m<sup>2</sup>.

- Đầu tư xây dựng mới 07 chợ hạng 3 tại các xã, phường: phường Nghĩa Trung, phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Phú, xã Đắc Nía, Đắc Ha và xã Quảng Thành.

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động 02 chợ hạng 3 tại xã Đắc Wer và Nhân Đạo
- Đầu tư nâng cấp chợ Nhân Cơ thành chợ hạng 2.

**+ Giai đoạn 2016 – 2020:**

- Xây dựng một siêu thị kinh doanh tổng hợp hạng II trở lên tại thị xã Gia Nghĩa với diện tích 2.000m<sup>2</sup>, vốn đầu tư tối thiểu 40 tỷ đồng.

- Nâng cấp chợ tại phường Nghĩa Tân thành chợ hạng 2.

#### 2.5.2.4. Về công trình văn hoá - thể thao

Trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa hiện nay các công trình văn hóa phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân mới ở mức tạm đủ, các công trình văn hóa trọng điểm chính mới xây dựng với quy mô và hình thức kiến trúc phù hợp với văn hóa của địa phương nhưng một số công trình chưa đi vào hoạt động, một số

công trình còn đang trong giai đoạn quy hoạch chưa xây dựng. Các công trình văn hóa cấp thị xã hầu như chưa được xây dựng, Các công trình văn hóa cấp xã, thôn chủ yếu là kết hợp với các công trình trụ sở ủy ban, Các ban, buôn dân tộc đều có nhà văn hóa cộng.

Các công trình văn hóa cấp tỉnh:

Trung tâm hội nghị Tỉnh Đắk Nông: Công trình mới xây dựng kiên cố, hiện đại, hình thức kiến trúc phù hợp với văn hóa của địa phương, được coi là công trình đa năng thuộc vào loại lớn và hiện đại của khu vực Tây Nguyên

Trung tâm Văn hoá Tỉnh: Nằm ở vị trí có điểm nhìn, công trình mới xây dựng kiên cố, hình thức đẹp, hiện đại phù hợp với văn hóa địa phương, đang đi vào hoạt động tuy nhiên hiện nay trung tâm văn hóa hoạt động không hiệu quả do chưa đầu tư đầy đủ trang thiết bị và giao thông đi lại còn khó khăn, khuôn viên chưa đầu tư xây dựng. Đây là một công trình điểm nhấn trong đô thị.



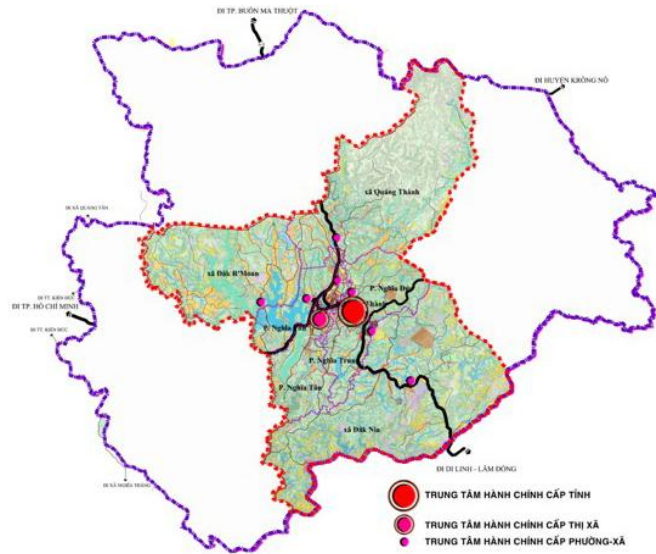
### 2.5.2.5. Về tình hình xây dựng cải tạo hệ thống cơ quan hành chính

Thị xã Gia Nghĩa là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội, du lịch, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng của tỉnh Đắk Nông. Trên địa bàn thị xã có hơn 100 cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh.

Hệ thống trung tâm hành chính gồm 3 cấp: cấp Tỉnh, cấp Thị xã và cấp Phường - Xã.

Các công trình hầu hết đã được đầu tư xây dựng mới với quy mô và vị trí đáp ứng nhu cầu sử dụng. Phân bố khá tập trung, tuy nhiên cần bố trí đan xen

các chức năng dịch vụ thương mại và ở nhằm tạo sự duy trì hoạt động ngoài giờ hành chính.



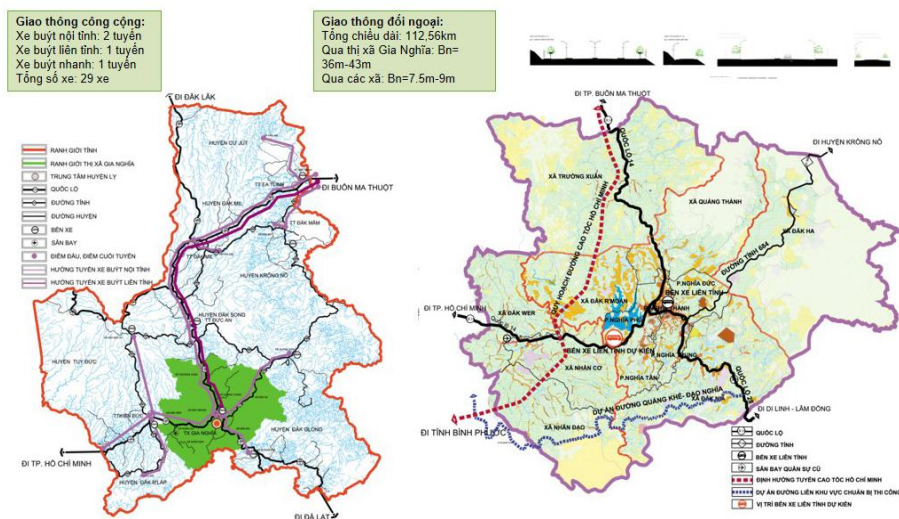
Các công trình hầu hết được đầu tư xây dựng mới, hình thức kiến trúc khá phù hợp với đặc trưng vùng Tây Nguyên và tập trung. Vị trí và quy mô hiện đáp ứng được cho nhu cầu sử dụng.

### 2.6.1. Về giao thông

Trong những năm qua giao thông thị xã đã được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, diện tích đất dành cho giao thông tăng nhanh. Các trục đường chính đô thị đã được đầu tư xây dựng đồng bộ phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân và tạo điều kiện phát triển thị xã.

#### ❖ Giao thông đường bộ

##### ➤ Giao thông đối ngoại



Mạng lưới giao thông đối ngoại của thị xã Gia Nghĩa có một số tuyến chính:

✦ Quốc lộ 14

Nằm phía Tây trung tâm Thị xã Gia Nghĩa là tuyến giao thông đối ngoại quan trọng nối Đắk Nông với các tỉnh Tây Nguyên, với TP Hồ Chí Minh. Thuộc dự án đường HCM giai đoạn 1.

Đoạn trong đô thị (Đường Nguyễn Tất Thành): đã hoàn thành mở rộng theo quy hoạch, bề rộng nền  $43\text{m} = (4 \times 3.75\text{m} = 15\text{m}) + (4 \times 0.5\text{m} = 2\text{m}) + (2 \times 6\text{m} = 12\text{m}) + 2\text{m} + (2 \times 3\text{m} = 6\text{m}) + (2 \times 3\text{m} = 6\text{m})$ , chiều dài 9.02km (Km840 - Km 849+500).

Đoạn QL14 cũ (đường Hai Bà Trưng): chiều dài 1.15km, nền đường 9m, mặt đường Đoạn trong đô thị (Đường 23 -3 và đường Hùng Vương mới): đã hoàn thành mở rộng theo quy hoạch, bề rộng 43m. Chiều dài 6.15km ( Km172+200 QL28 - Km846 +150 QL14) bề rộng nền =  $36\text{m} = (2 \times 12\text{m} = 24\text{m}) + 2\text{m} + (2 \times 5\text{m} = 10\text{m})$ .

✦ Quốc lộ 28

Chạy qua khu trung tâm và chạy dọc theo phía Đông của Thị xã. Đây là tuyến giao thông đối ngoại quan trọng nối Đắk Nông với các đô thị vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.

Đường QL28 cũ (đường Lê Thị Hồng Gấm): chiều dài 0.49km, bề rộng nền đường 20m.

Nút giao khác mức: QL14 giao với QL28 tại Km 846+150. Dùng cầu vượt tuyến QL14, chiều cao tính không dưới cầu 4.5m, cầu vượt dạng dầm hộp BTCT DUL, nhịp 20 m - 22m - 20m, bề rộng cầu 19m, và 4 nhánh nối ra vào nút bố trí các làn chuyển tốc.

Nút giao với TL4: nút giao cùng mức tự điều chỉnh bằng vòng xuyên trung tâm, đường kính 40m, bề rộng mặt đường 15.75m gồm 3 làn xe.

✦ Tỉnh lộ 684

Nằm về phía Tây Bắc Thị xã, đây là trục Tỉnh lộ quan trọng nối Gia Nghĩa với Cư Jút. Đoạn qua thị trấn (Đường Trần Phú) dài khoảng 3,6 km đường đạt tiêu chuẩn cấp V, nền đường rộng 7,5m, mặt đường trải nhựa rộng 3,5 - 5,5m. Hiện tại chưa mở rộng theo quy hoạch.

✦ Bến xe liên tỉnh

*Quy mô:* Là bến xe tạm, vị trí trên tổ 10 phường Nghĩa Thành (gần hồ Thiên Nga), diện tích khoảng 2252 m<sup>2</sup>, phân cấp loại IV (theo QĐ 08/2005/ QĐ – BGTVT ngày 10/01/2005 về quy định phân cấp bến xe).

Bến xe có quy mô nhỏ so với vai trò là một bến xe liên tỉnh. cần có vị trí chính thức và quy mô bến xe cần quy hoạch theo quy mô đô thị. Hiện tại đã có thỏa thuận vị trí bến xe khách liên tỉnh diện tích 2ha nằm cạnh trường cao đẳng nghề Phương Nam.

➤ **Giao thông đối nội**

Nhìn chung mạng lưới giao thông toàn thị xã khá phát triển, chất lượng đường tương đối tốt với tổng chiều dài đường giao thông toàn thị xã là 90,18 km bao gồm các tuyến đường sau:

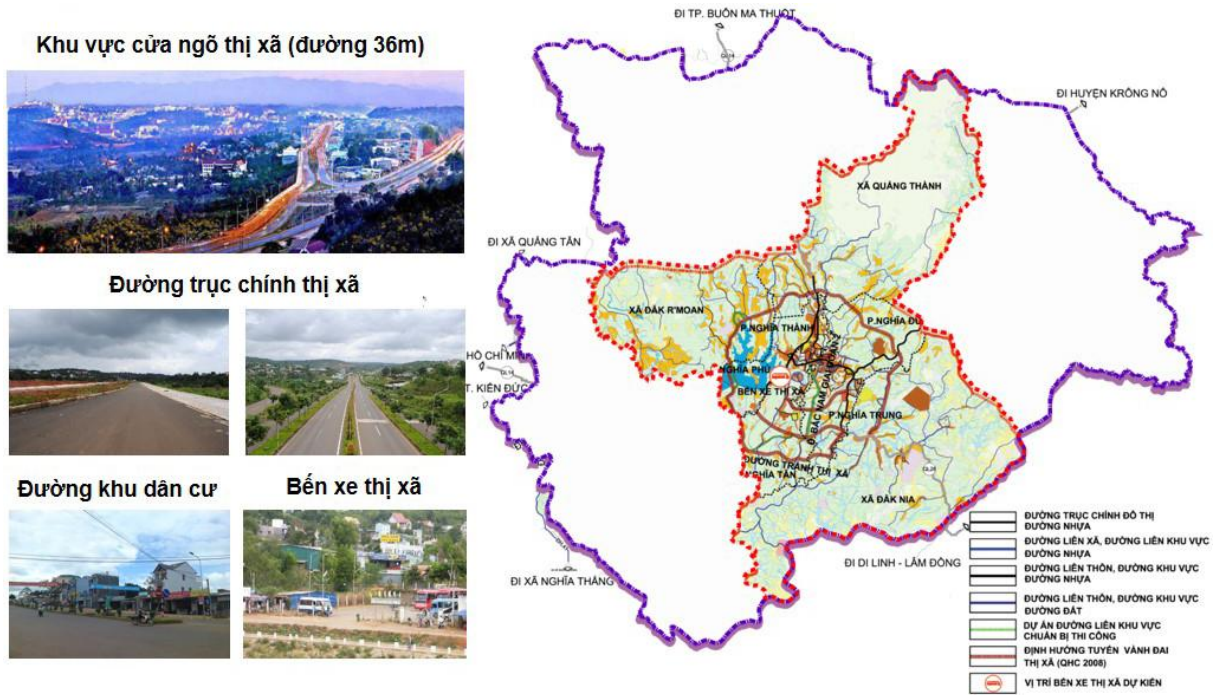
Đường trục chính thị xã: đường trục Bắc Nam GDD2: tổng chiều dài: 4,29km, chỉ giới 36m đã hoàn thiện. Đường trục Đông Tây: Đường Nguyễn Tất Thành: tổng chiều dài: 9.02km, chỉ giới 50m.

Đường trục chính đô thị đã hoàn thiện, chất lượng tốt.

Đường liên khu vực có về rộng đường từ 20 -43m, mặt đường nhựa, chất lượng tốt.

Đường khu vực có về rộng đường từ 11 -18m, mặt đường nhựa, chất lượng tốt.

Hầu hết các tuyến đường đô thị đều khá tốt chỉ còn một số tuyến chưa đảm bảo tiêu chuẩn đường đô thị như vỉa hè và hệ thống thoát nước.



**2.6.2. Về cấp nước sạch sinh hoạt**

Hiện tại, khu vực nội thị của thị xã Gia Nghĩa đang được cấp nước tập trung bởi 2 trạm cấp nước.

Trạm cấp nước khu trung tâm: nhà máy có công suất là 12.000 m<sup>3</sup>/ng.đ (nhà máy này được xây dựng từ nguồn vốn vay lại của Bộ tài chính trong dự án ADB). Tổng công suất cung cấp nước tại Gia Nghĩa hiện nay là 14.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, tuy nhiên đến nay, hơn sáu tháng đưa nhà máy mới vào sử dụng, nhu cầu tiêu thụ nước tại Gia Nghĩa chỉ đạt 2.700 m<sup>3</sup>/ng.đ, chiếm 19,3% công suất hiện có.



Mạng lưới cấp nước tập trung hiện nay có khả năng phục vụ cho 80% dân số thị xã).

Thị xã cũng đã có quy định bảo vệ ô nhiễm nguồn nước nghiêm ngặt cụ thể:

Bề cấp nước khu ĐTM



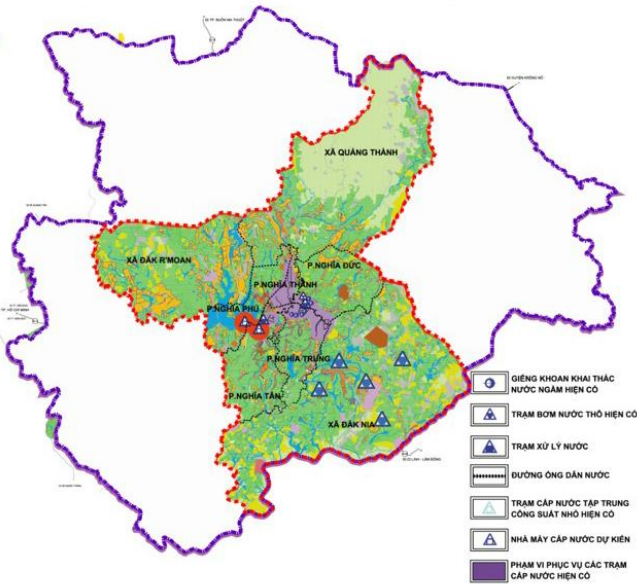
Mạng lưới cấp nước



Trạm cấp nước



Xây dựng mạng lưới cấp nước



Đối với nguồn nước ngầm: trong khu đất có bán kính 25m tính từ giếng: Cấm xây dựng, đào hố rác, hố vôi, chăn nuôi... Giếng nước dùng cho các hộ gia đình phải cách xã nhà xí, nơi chăn nuôi. Đối với các giếng nước công cộng, phải chọn nơi có nguồn nước tốt, xây thành giếng cao và lát xung quanh.

Đối với nguồn nước mặt: trong khoảng 200m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100m về phía hạ lưu: Cấm xây dựng: xả nước thải, nước nông giang, chăn nuôi, tắm giặt.

Khu vực bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây dựng rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật.

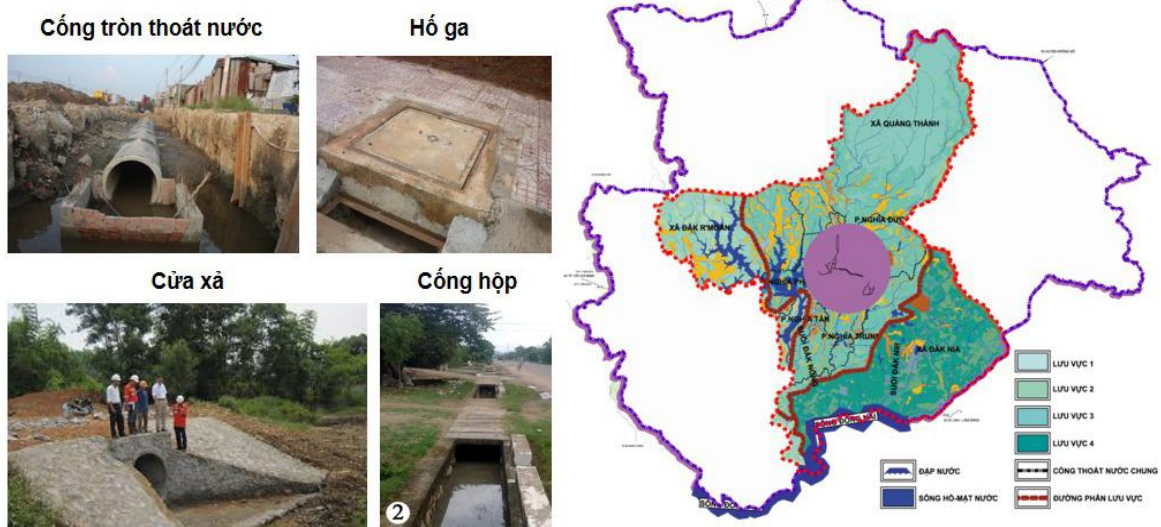
Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0.5m.

Bảng. Hiện trạng hệ thống cấp nước thị xã Gia Nghĩa

T	Tên nhà máy	Công suất TK đêm) (m <sup>3</sup> /ngày	Hiện trạng đạt (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Khu vực nội thị (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
	Trạm cấp nước			
.1	Trạm xử lý nước tức thời công suất 1.500m <sup>3</sup> (Bơm nước từ 07 giếng khoan đến trạm xử lý nước sinh hoạt)	1,500	1,200	1,200

.2	Trạm bơm chống hạn Gia Nghĩa (Bơm nước từ trạm bơm công hạn đến trạm xử lý tức thời công suất 1.500m <sup>3</sup> )	1,000	1,000	1,000
.3	Trạm cấp nước 120m <sup>3</sup> Sùng Đức (Bơm nước từ 02 giếng khoan đến đài nước 15m <sup>3</sup> )	120	120	120
.4	Trạm xử lý nước 12.000m <sup>3</sup> Bơm nước từ trạm bơm nước thô đến trạm xử lý nước 12.000m <sup>3</sup> )	12,000	3,200	3,200

### 2.6.3. Về thoát nước



Thoát nước mưa: Trên địa bàn thị xã, tại các khu vực mới xây dựng, hệ thống thoát nước mưa đã được xây dựng theo hệ thống thoát nước riêng với hệ thống mương hở và cống có nắp đan. Nước mưa sẽ chảy vào hệ thống thoát nước mưa và thoát ra sông, suối trên địa bàn thị xã.

Toàn bộ tuyến đường chính khu vực nội thị thị xã đã xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường: 33 tuyến chính/70 tuyến.

Kết cấu hệ thống thoát nước mặt: Cống tròn, cống hộp, rãnh xây, mương đất.

Cống ngầm đặt hai bên vỉa hè, mương hở, rãnh xây đặt bên lề đường.

Chế độ thoát nước tự chảy.

Tổng chiều dài các tuyến cống chính: 51,40 km.

Mật độ cống thoát nước/đất xây dựng khu vực nội thị: 5,18km/km<sup>2</sup>.

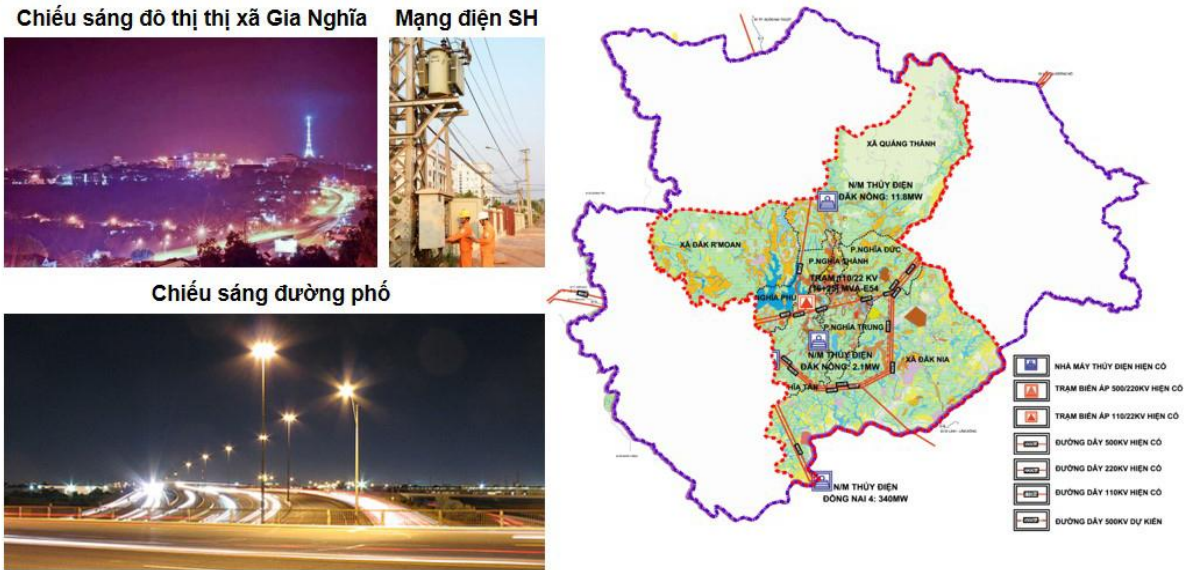
Trục tiêu chính Suối Đắc Nông.

Thoát nước thải: Thị xã Gia Nghĩa chưa có hệ thống nước thải riêng. Nước thải sinh hoạt, nước thải các công trình công cộng, cơ quan được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó thug om cùng với nước mưa thoát theo hệ thống cống

chung. Tỷ lệ nước thải được xử lý: 35%. Hiện tại thị xã đã xây dựng 1 dự án trạm xử lý nước thải tại cuối đường Lê Duẩn, công suất 600 m<sup>3</sup>/ngày. Phục vụ cho khu phố cũ nhưng chưa đi vào hoạt động.

Nước thải bệnh viện: thị xã Gia Nghĩa có cơ sở y tế lớn là bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông, đã có hệ thống xử lý nước thải riêng.

#### 2.6.4. Về cấp điện và chiếu sáng công cộng



#### ❖ Điện sinh hoạt - sản xuất

##### ➤ Nguồn điện:

Thị xã Gia Nghĩa hiện nay và vùng phụ cận hiện đang được cấp điện chủ yếu từ đường dây 110kV từ nhà máy thủy điện Thác Mơ đến trạm 110/22kV Đắk Nông (E54) công suất (16+25)MVA. Ngoài ra thị xã Gia Nghĩa còn được cấp điện từ các nhà máy thủy điện nhỏ như: Đắk Nông công suất 2MW, Đắk Nông 1 công suất 1,8MW, Đasiat công suất 13,5MW và Đắk Rung 1 công suất 6MW cấp cho các lộ 22kV của trạm 110kV Đắk Nông.

##### ➤ Lưới điện cao thế:

Tuyến 500kV từ Plêy cu đi Phú Lâm đi qua thị xã Gia Nghĩa dây dẫn 4ACSR -330. Đoạn đi qua thị xã Gia Nghĩa và đấu nối vào trạm 500kV Đắk Nông dài 33km.

Tuyến 220kV từ nhà máy thủy điện Đồng Nai 3 và 4 đi trạm 500kV Đắk Nông tại thị xã Gia Nghĩa dây dẫn AC -240. Đoạn đi qua thị xã Gia Nghĩa 20km.

Tuyến 220kV từ nhà máy thủy điện Buôn Kuôp đi trạm 500kV Đắk Nông tại thị xã Gia Nghĩa dây dẫn AC -240. Đoạn đi qua thị xã Gia Nghĩa 33km.

Tuyến 110kV từ nhà máy thủy điện Thác Mơ đi trạm 110kV Đắk Nông tại thị xã Gia Nghĩa dây dẫn AC -185. Đoạn đi qua thị xã Gia Nghĩa 13,8km.

Tuyến 110kV từ trạm 110kV Đăk Mil đi trạm 110kV Đăk Nông tại thị xã Gia Nghĩa dây dẫn AC -185. Đoạn đi qua thị xã Gia Nghĩa hiện nay 17,8km.

➤ **Lưới điện trung thế:**

Lưới điện trung thế qua thị xã đều xuất tuyến từ trạm 110/22kV Đăk Nông, gồm các lộ sau: lộ 478, lộ 476, lộ 472, lộ 470.

Đường trục dài 149,5km dây dẫn AC -120; AC -150 và AC -95.

Đường nhánh dài 112,5km dây dẫn AC -70 và AC -50.

➤ **Trạm biến áp phụ tải:**

Thị xã Gia Nghĩa có 212 trạm 22/0,4kV với tổng công suất 42647KVA. Trong đó có 112 trạm phục vụ dân sinh, tưới tiêu. 100 trạm phục vụ cho khách hàng kinh doanh sản xuất. Các trạm biến áp phụ tải trong thị xã chủ yếu là trạm treo trên hai cột.

➤ **Lưới điện hạ thế**

Thị xã có 153,77km đường dây hạ thế dây dẫn A -16 đến AC -95. Toàn bộ đường dây hạ thế được treo trên không (đi nổi).

❖ **Điện chiếu sáng đô thị**

Chiếu sáng đô thị: Tổng số các tuyến đường được chiếu sáng: 46 đường. 100% tuyến đường chính được chiếu sáng. Chiều dài đường dây chiếu sáng: 52.45km. Hệ thống chiếu sáng gồm 547 cột điện độc lập, 4905 bóng chiếu sáng với tổng công suất 803510W. 80% ngõ xóm được chiếu sáng.

**2.6.5. Về thông tin và bưu điện**



❖ **Mạng phục vụ Bưu chính**

Trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa 1 bưu cục cấp I tại thị xã Gia Nghĩa. Có 3 điểm bưu điện văn hóa, 33 đại lý kiốt phục vụ cho các phường. Bán kính phục

vụ của một điểm bưu điện văn hóa là 1,34km, số dân phục vụ là 1075 người/điểm.

➤ **Mạng vận chuyển**

Mạng đường thư cấp I: (Tuyến đường thư liên tỉnh) từ thành phố Hồ Chí Minh đến Gia Nghĩa và ngược lại, do Bưu điện Đắk Nông quản lý, hiện có 1 tuyến tần suất 2 chuyến/ngày.

Mạng đường thư cấp II: (Tuyến đường thư từ tỉnh xuống huyện và ngược lại) do Bưu điện huyện quản lý. Hiện có 7 tuyến trong đó: 5 tuyến tần suất 2 chuyến/ngày gồm Gia nghĩa - Đắk R'lấp; Gia Nghĩa - Đắk Song; Gia Nghĩa - Đắk Mil; Gia Nghĩa - Cư Jút và Gia Nghĩa - Krông Nô (quá giang Cư Jút); 2 tuyến có tần suất 1 chuyến/ngày gồm Gia Nghĩa - Đắk Glong và Gia Nghĩa - Tuy Đức (quá giang Đắk R'lấp).

❖ **Dịch vụ**

Về Bưu chính: Bưu phẩm hỏa tốc, tuyệt mật, tối mật và mật (phục vụ cho khối các cơ quan Đảng, chính quyền); Dịch vụ Bưu chính uỷ thác; Bưu phẩm thường trong nước và quốc tế; Bưu kiện trong nước và quốc tế; Bưu phẩm không địa chỉ; Bưu gửi chuyển phát nhanh; Bưu gửi phát trong ngày; Bưu phẩm thu cước ở người nhận.

Các dịch vụ cộng thêm: ghi số, máy bay, phát tận tay, phát tại nhà, phát hàng thu tiền (COD), khai giá, phát nhanh (Express), nhận gửi tại nhà, báo phát (AR)...

Về Tài chính: Dịch vụ chuyển tiền: Thư chuyển tiền, điện chuyển tiền, chuyển tiền nhanh; tiết kiệm bưu điện; dịch vụ điện hoa, chuyển quà tặng; Bảo hiểm nhân thọ. Các dịch vụ cộng thêm: thư báo trả, điện báo trả, phát tận tay, phát tại nhà.

Về Phát hành báo chí: Phát hành các loại báo Trung ương, địa phương và báo ngoại văn.

★ **Mạng điện thoại:**

Trên địa bàn Gia Nghĩa có tất cả 94 trạm BTS đang hoạt động, trong đó: Vinaphone có 10 trạm, Mobiphone có 21 trạm, Viettel có 27 trạm, EVN có 4 trạm, HTC có 1 trạm, Vietnam mobile có 2 trạm, VNPT có 29 trạm.

★ **Mạng Internet:**

Cùng với việc đầu tư cơ sở hạ tầng mạng, dịch vụ Internet được phát triển và mở rộng đến khắp các vùng trong tỉnh, kể cả một số xã vùng sâu, nhất là từ khi mạng Internet băng rộng (ADSL) phát triển thay thế dần hình thức truy cập Internet gián tiếp qua 1260, 1269. Đường truyền Internet tốc độ cao được cung cấp đến khách hàng không những là các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, đại lý dịch vụ Internet mà còn cung cấp đến tận các hộ dân.

Theo số liệu báo cáo của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Gia Nghĩa đến tháng 6 năm 2013 trên địa bàn Gia Nghĩa có 18 đại lý internet. Số thuê bao 21 thuê bao/100 dân.

### 2.6.7. Về công viên cây xanh



Trong thị xã Gia Nghĩa diện tích khu vực rừng sản xuất 4873,04 ha chiếm 6,4 % tổng diện tích.

Trên địa bàn thị xã đã có 1 công viên tập trung tại chân cầu Đăk Nông, 1 công viên Hồ Thiên Nga đang được đầu tư xây dựng và khu vui chơi giải trí Cường Thịnh đã được đầu tư xây dựng

Cây xanh đáp ứng ở mức độ từng dự án nhỏ lẻ riêng biệt, các khu đô thị mới đã xây dựng công trình công viên cây xanh phục vụ khu ở. Bình quân chỉ tiêu cây xanh đầu người khu vực thị xã khoảng 8,12m<sup>2</sup>/ng

Cây xanh đường phố: Hiện tại trong khu vực thị xã tình trạng cây xanh đường phố còn thiếu do chưa được chú trọng, tạo nên ít trục xanh trong đô thị. Phần lớn các trục đường có cây xanh chỉ tập trung tại các tuyến đường phố mới.

Hệ thống mặt nước: Ngoài các hệ thống sông suối Đăk Nông, Đăk Nur và suối Đăk R’Tih, các hồ nhỏ như hồ Thiên Nga, hồ Mặt Trận, hồ Công An, hồ Tỉnh Ủy cũng góp phần rất lớn tạo ra cảnh quan cho đô thị. Trong tương lai có hệ thống hồ trung tâm gồm: Hồ Thượng, Hồ Hạ, Hồ Trung tâm sẽ tạo ra môi trường sinh thái và cảnh quan cho đô thị.

### 2.6.8. Về thu gom chất thải rắn và vệ sinh môi trường

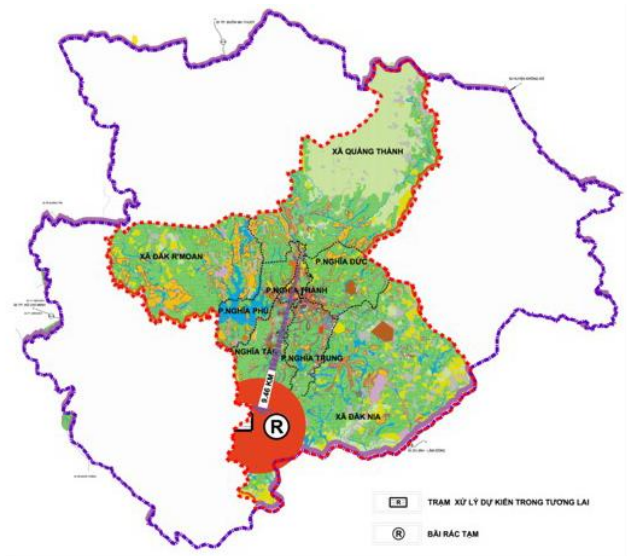
Chuẩn bị ô chôn lấp chất thải rắn



Phương tiện thu gom CTR



Lò đốt rác y tế



#### ❖ **Chất thải sinh hoạt**

Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khu vực nghiên cứu khoảng 38,91 tấn/ngàydêm.

Tỉ lệ thu gom chất thải rắn khu vực nội thị thị xã: 90%

Tỉ lệ chất thải rắn được xử lý tập trung(chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt): 80%

Chất thải rắn sau khi được thu gom sẽ vận chuyển về xử lý tại khu xử lý CTR thị xã thôn Đồng Tiến xã Đăk Nia.

Chất thải rắn y tế: Qua khảo sát bệnh viện đa khoa tỉnh, và một số bệnh viện khác cho thấy các chất thải rắn ở các bệnh viện bước đầu đã được phân loại. Các bệnh viện trong phạm vi nội thành đều thu gom riêng các loại chất thải rắn nguy hại và không nguy hại.

#### ❖ **Chất thải các cơ sở sản xuất - cụm công nghiệp**

Trên địa bàn thị xã các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, chủ yếu là các cơ sở chế biến, sơ chế các sản phẩm nông nghiệp như sản xuất cà phê, cao su, đường, gỗ. Hiện nay chưa có một điều tra chính thức nào thống kê tình hình cũng như lượng thải của các cơ sở sản xuất, hầu hết rác thải được thu chung với rác sinh hoạt.

Chất thải rắn công nghiệp, thương mại trên địa bàn thị xã:

Tổng lượng CTR thương mại (chợ): 2,4 tấn.

Chất thải rắn không nguy hại: 0,21 tấn.

Chất thải rắn nguy hại: 0,01

❖ **Hiện trạng công trình vệ sinh**

Thị xã Gia Nghĩa có tỉ lệ số hộ nông thôn sử dụng nhà vệ sinh cao so với mức bình quân trong toàn tỉnh: 48%

❖ **Quản lý nghĩa trang**

Thị xã Gia Nghĩa hiện nay có 1 nghĩa trang lớn: nghĩa trang Đồi Pháo với diện tích 2.15 ha, hiện tại đã quá tải, đã đóng cửa.

Toàn bộ nhu cầu chôn cất hiện nay của thị xã được đưa về nghĩa trang quy hoạch mới tại thôn 4 xã Đăk Nia thị xã Gia Nghĩa với tổng diện tích khai thác: 92 ha (dự án quy hoạch nghĩa trang thị xã Gia Nghĩa).

Các khu vực ngoại thị và một số phường của thị xã tồn tại nghĩa trang nhỏ, nằm xen kẽ với khu dân cư, đất nông nghiệp, hiện nay vẫn tiếp nhận nhu cầu chôn cất của người dân.

Với tập quán của địa phương hiện nay, hình thức chôn cất chủ yếu vẫn là hung táng và cải táng.

**2.6.9. Về kiến trúc cảnh quan đô thị**

Khu vực trung tâm của thị xã đã được đầu tư xây dựng mới, đồng bộ, với trung tâm hành chính của tỉnh phối hợp với quảng trường, vườn hoa, hồ nước, tượng đài, hệ thống đường trục chính... tạo nên điểm nhấn, gây ấn tượng mạnh của thị xã Gia Nghĩa. Các khu đô thị mới được xây dựng đồng bộ với các hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tạo bộ mặt mới cho đô thị, tăng chất lượng cuộc sống của người dân...

**2.7. Tình hình đầu tư và phát triển**

❖ **Vốn đầu tư xã hội (ĐTXH)**

Trong giai đoạn vừa qua, thị xã đã có nhiều chính sách và giải pháp tích cực để huy động các nguồn vốn của toàn xã hội đầu tư cho phát triển KT -XH trên địa bàn, xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị bước đầu đạt kết quả nhất định. Giai đoạn 2006 -2010 tổng vốn ĐTXH đạt khoảng 4.892 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước đầu tư khoảng 2.163 tỷ đồng, chiếm 44,2% tổng vốn ĐTXH.

❖ **Vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2006 -2010 tăng**

ĐVT: Tỷ đồng	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng b/q, %	Tổng 5 năm 2006 -2010
<b>Tổng vốn ĐTXH</b>	382,8	491,2	768,1	1.035,7	1.123,9	1.472,9	30,9	4.892
<b>Trong đó vốn NSNN</b>	162,6	284,4	353,7	487,8	529,3	507,3	25,6	2.163
<b>% so vốn ĐTXH</b>	42,5	57,9	46,0	47,1	47,1	34,4		44,2

*Nguồn: Xử lý từ số thống kê thị xã và thống kê tỉnh*

Đối với nguồn vốn ngân sách từ TW, tỉnh, thị xã và nguồn huy động đóng góp của nhân dân đã được tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các



công trình như giao thông, điện, cấp thoát nước, trung tâm hành chính, nhà làm việc các cơ quan, trường học, trạm xá, chỉnh trang đô thị, thủy lợi, và các công trình phúc lợi xã hội quan trọng.

**❖ Đánh giá hiệu quả đầu tư xã hội**

Nhìn chung, vốn đầu tư xã hội trong những năm qua đã tập trung phần lớn cho phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đã làm thay đổi đáng kể về diện mạo cũng như cải thiện đời sống của nhân dân thị xã.

- Tăng cường b/q GDP (giá CĐ94) giai đoạn 2006 -2010 đạt 19,85%/năm. GDP (giá CĐ94) năm 2010 gấp 2,47 lần so với năm 2005, trong đó CN -XD gấp 2,67 lần, Dịch vụ gấp 4,03 lần; năng suất lao động theo giá CĐ 94 gấp 1,89 lần; GDP b/q đầu người theo giá hiện hành gấp 2,16 lần.

- Tỷ lệ ĐTXH/GDP bằng 133% với tăng trưởng GDP trên 19,85%/năm.

- Hệ số ICOR giai đoạn 2006 -2010 bằng 7,9.

Tỷ lệ ĐTXH và hệ số ICOR cao, nguyên nhân chính là do giai đoạn 2006 - 2010 là giai đoạn đầu trong quá trình thành lập và kiến thiết cơ bản thị xã, đòi hỏi vốn đầu tư nhiều vào các công trình xây dựng cơ bản chưa phát huy hiệu quả kinh tế ngay được, nhất là các công trình kết cấu hạ tầng đô thị, các công trình thuộc khối giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin - thể dục thể thao, trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị...

**❖ Một số chỉ tiêu và kết quả của đầu tư xã hội**

	Chỉ tiêu	2005	2010	Phát triển (lần)	Tăng b/q, (%)
1	Tổng GDP (tỷ đ, giá 94)	267,7	661,8	2,47	19,85
-	CNXD	103,4	271,1	2,62	21,26
-	NLT	92,2	100,8	1,09	1,79
	Chia ra				
-	Khu vực sản xuất vật chất	195,7	371,9	1,90	13,71
-	Khu vực dịch vụ	72,0	289,9	4,03	32,12
2	NSLĐ (triệu đ, giá CĐ 94)	15,9	30,1	1,89	13,54
3	GDP b/q đầu người (trđ, giá hh)	10,1	21,9	2,16	16,70
4	Tổng vốn ĐTXH giai đoạn (giá hh)	4.892			
5	Tổng GDP (tỷ đ, giá hh)	3.679			
6	ĐTXH/GDP (%)	133			
7	GDP tăng thêm (tỷ đ, giá hh)	617			

8	ICOR	7,9		
---	------	-----	--	--

*Nguồn: Xử lý từ NQ HĐND thị xã về KH 5 năm 2011 -2015, thống kê thị xã, thống kê tỉnh.*

## **2.8. Đánh giá chung**

### **2.8.1. Kết quả, thuận lợi**

Với vị trí là trung tâm hành chính, chính trị kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông, nằm ở vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng. Được đầu tư xây dựng mới do đó thị xã đã được các cấp, các ngành đầu tư xây dựng khá đồng bộ theo quy hoạch. Sau 1 năm thực hiện quy hoạch được duyệt (từ năm 2013 đến nay), công tác xây dựng phát triển đô thị của thị xã Gia Nghĩa phát triển khá nhanh.

Có vị trí nằm tại một trong các đầu mối giao thông quan trọng của vùng Tây Nguyên, liên hệ thuận tiện với các trung tâm lớn như T.P Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Nha Trang,...

Có tiềm năng cho phát triển, công nghiệp bô xít, chế biến lâm sản (gỗ,..) nông sản (điều,..) dịch vụ du lịch (phục vụ hệ thống điểm du lịch, di sản văn hóa)

Khí hậu (nhiệt độ,..) là yếu tố là yếu tố thuận lợi khi có điều kiện khai thác du lịch.

Nguồn nước đáp ứng thuận tiện, đủ cho phát triển hiện tại và tương lai.

Quỹ đất cho xây dựng đô thị lớn, có khả năng phát triển mở rộng trong tương. Lai.

Đô thị mới phát triển có cơ hội đầu tư và thuận tiện trong tổ chức không gian chức năng.

Các khu chức năng chính và cơ sở hạ tầng xây dựng mới đã cơ bản tuân thủ theo quy hoạch và phù hợp với phát triển tương lai.

Trong những năm qua, thị xã đã huy động được nhiều nguồn vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu dân cư mới được hình thành; hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc, phát thanh truyền hình, điện, nước; trụ sở các cơ quan nhà nước, các công trình văn hoá, phúc lợi công cộng trên địa bàn Thị xã được đầu tư, xây dựng hiện đại.

### **2.8.2. Hạn chế, khó khăn**

Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn lớn , lao động qua đào tạo còn thấp.

Đất ở mật độ thấp còn lớn (còn lẫn vườn sản xuất trong lô đất ở) ảnh hưởng đến xây dựng một đô thị tiện nghi, có chất lượng tốt.

Đường điện 500 KV ảnh hưởng không thuận lợi trong tổ chức không gian đô thị.

Địa hình phức tạp, độ dốc lớn gây khó khăn cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng nhất là san nền và giao thông, tạo thách thức trong quản lý xây dựng để phát triển đô thị mang tính đặc thù.

## CHƯƠNG III: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG

### 3.1. Cơ sở xây dựng giải pháp

#### 3.1.1. Dựa vào quan điểm phát triển bền vững của đất nước

Chính phủ Việt Nam đã cử các đoàn cấp cao tham gia các Hội nghị: Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi và cam kết thực hiện phát triển bền vững; đã ban hành và tích cực thực hiện "Kế hoạch quốc gia về Môi trường và Phát triển bền vững giai đoạn 1991 -2000" (Quyết định số 187 -CT ngày 12 tháng 6 năm 1991), tạo tiền đề cho quá trình phát triển bền vững ở Việt Nam. Quan điểm phát triển bền vững đã được khẳng định trong Chỉ thị số 36 -CT/TW ngày 25 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong đó nhấn mạnh: "Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước". Quan điểm phát triển bền vững đã được tái khẳng định trong các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam và trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 -2010 là: "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường" và "Phát triển kinh tế -xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học". Phát triển bền vững đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, nhiều chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng, nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước đã được ban hành và triển khai thực hiện; nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu về lĩnh vực này đã được tiến hành và thu được những kết quả bước đầu; nhiều nội dung cơ bản về phát triển bền vững đã đi vào cuộc sống và dần dần trở thành xu thế tất yếu trong sự phát triển của đất nước

#### 3.1.2. Dựa vào mục tiêu tổng quát trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Mục tiêu tổng quát trong Chiến lược phát triển kinh tế -xã hội 2001 - 2010 của Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX là: "Đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của đất nước trên trường quốc tế được nâng cao". Quan

điểm phát triển trong Chiến lược trên được khẳng định : "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"; "Phát triển kinh tế -xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học".

Mục tiêu tổng quát của phát triển bền vững là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế là đạt được sự tăng trưởng ổn định với cơ cấu kinh tế hợp lý, đáp ứng được yêu cầu nâng cao đời sống của nhân dân, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai, tránh để lại gánh nặng nợ nần lớn cho các thế hệ mai sau.

Mục tiêu phát triển bền vững về xã hội là đạt được kết quả cao trong việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm chế độ dinh dưỡng và chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân ngày càng được nâng cao, mọi người đều có cơ hội được học hành và có việc làm, giảm tình trạng đói nghèo và hạn chế khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp và nhóm xã hội, giảm các tệ nạn xã hội, nâng cao mức độ công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các thành viên và giữa các thế hệ trong một xã hội, duy trì và phát huy được tính đa dạng và bản sắc văn hoá dân tộc, không ngừng nâng cao trình độ văn minh về đời sống vật chất và tinh thần.

Mục tiêu của phát triển bền vững về môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, bảo vệ tốt môi trường sống; bảo vệ được các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và bảo tồn sự đa dạng sinh học; khắc phục suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

## **3.2. Giải pháp và kiến nghị**

### **3.2.1. Giải pháp**

Phát triển đô thị bền vững cần dựa trên nền tảng phát triển kinh tế, đặc biệt là chú trọng đầu tư vào công nghiệp, tạo công ăn việc làm, thu hút nguồn lao động từ thấp đến cao đến sinh sống và làm việc nhằm thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá. Đây chính là điều kiện tiên quyết để các khu đô thị phát triển bền vững. Tuy nhiên, phát triển kinh tế phải phù hợp với quy hoạch vùng. Công tác quy hoạch đô thị phải đổi mới và nâng cao chất lượng theo hướng gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội có tầm nhìn dài hạn.

- Tập trung phát triển kinh tế dịch vụ, các ngành công nghiệp công nghệ cao và xây dựng chiến lược phát triển kinh tế tri thức.

- Rà soát lại quy hoạch tổng thể nhằm bảo đảm phát triển đô thị bền vững.

- Phối hợp quy hoạch xây dựng và sử dụng đất để phát triển bền vững.
- Phát triển mạng lưới giao thông công cộng, ngầm hóa hệ thống dây điện, bu chính viễn thông...
- Phát triển nhà chung cư cao tầng và dịch vụ công cộng.
- Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước địa phương và vai trò của cộng đồng trong phát triển bền vững.
- Gắn kết các chính sách kinh tế vĩ mô với bảo vệ môi trường.

Mặc dù hạ tầng kỹ thuật Gia Nghĩa trong thời gian gần đây đã được quan tâm đầu tư cải tạo và nâng cấp, nhưng nhìn chung vẫn còn rất yếu kém, chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn của đô thị hiện đại. Tình trạng ô nhiễm môi trường và phá vỡ cân bằng sinh thái đô thị, cảnh quan thiên nhiên đang là mối lo ngại chung.

Chưa có sự lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường trong quy hoạch đô thị nên vừa làm tăng các vấn đề môi trường đô thị vừa gây khó khăn trong việc khắc phục các hậu quả. Biểu hiện rõ nhất là tình trạng xây dựng xen kẽ các nhà máy gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư đông đúc, thiếu các cơ sở hạ tầng và dịch vụ xử lý chất thải, gây ô nhiễm môi trường

Để đảm bảo quá trình ĐTH gắn với phát triển bền vững, tôi xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp (định hướng) cơ bản sau đây về vấn đề quy hoạch các công trình thuộc môi trường nhân tạo:

### **Định hướng phát triển không gian**

#### *a. Mô hình phát triển không gian đô thị:*

Mô hình đô thị công nghiệp; Mô hình đô thị tri thức và Mô hình đô thị du lịch.

#### *b. Định hướng cấu trúc phát triển không gian:*

Phát triển không gian theo mô hình đô thị vệ tinh gồm: 1 khu đô thị trung tâm và 4 khu đô thị vệ tinh.

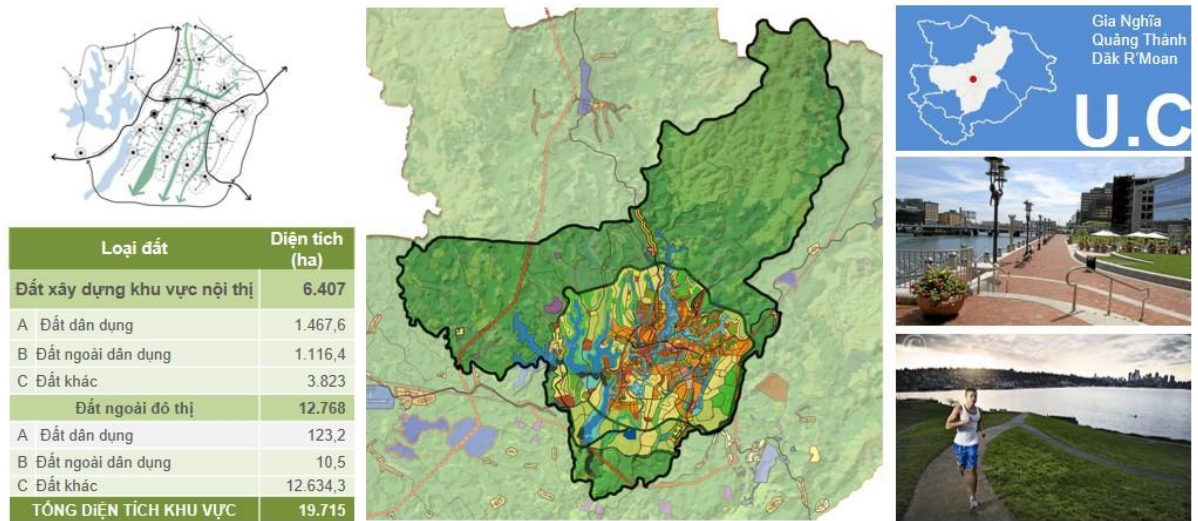
#### *- Khu trung tâm đô thị*

Khu trung tâm đô thị bao gồm: phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Trung, phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Thành, phường Nghĩa Phú và một phần các xã: Đắk R'Moan và Quảng Thành.

#### *- Các khu Đô thị vệ tinh*

- + Khu Tây Nam bao gồm xã Nhân Cơ, xã Đắk Wer và xã Nhân Đạo.
- + Khu Tây Bắc là một phần của xã Trường Xuân.
- + Khu Đông Nam là xã Đắk Nia.
- + Khu Đông Bắc bao gồm xã Đắk Ha.

**\* Khu trung tâm đô thị:**



## Định hướng quy hoạch sử dụng đất

## Định hướng Thị xã Gia Nghĩa Khu trung tâm đô thị

Trung tâm Gia Nghĩa: chức năng hành chính và thương mại sẽ được bố trí dọc tuyến đường.  
Khu vực Quảng Thành là trung tâm xã và là nút du lịch  
Khu vực Đăk R'Mean có trung tâm xã với khu vực dân cư mật độ trung bình do diện tích này nằm gần khu nguồn nhận nước chính

# 14%

Đất xây dựng  
-Đất đô thị: 2584ha  
-Đất ngoài đô thị: 133.7ha

- **Chức năng:** Là thủ phủ của tỉnh Đắk Nông, phát triển tập trung vào các khu chức năng và công trình công cộng: hành chính, dịch vụ, thương mại..

**- Tiêu chí**

- + Khu vực hành chính : 19.147 ha
- + Dân số: 109.200 người (năm 2030)
- + Diện tích đô thị: 4.793 ha (năm 2030)
- + Mật độ: 22,78 người/ha (năm 2030)
- + Mục đích: hành chính, thương mại, kinh doanh, nhà ở, thương mại
- + Đặc điểm: trung tâm thị xã Gia Nghĩa

- **Khu lõi Trung tâm:** Lõi của Trung tâm đô thị là điểm hội giao giữa suối Đắk Nông và Quốc lộ 28, trung tâm hành chính tỉnh, trung tâm hành chính Sùng Đức và khu chợ cũ .

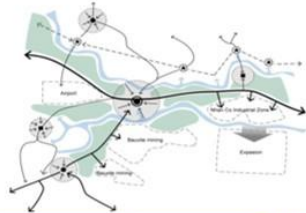
**- Khu vực phát triển mới**

- + Phường Nghĩa Tân, Nghĩa Trung, Nghĩa Đức.
- + Khu cảnh quan: Hồ thủy điện Đăk R'Tih và hành lang xanh phía Đông.
- + Khu Địa hình đồi núi đa dạng kết nối với rừng núi và thiên nhiên gồm địa phận phường Nghĩa Đức ở phía Bắc Trung tâm hành chính tỉnh.

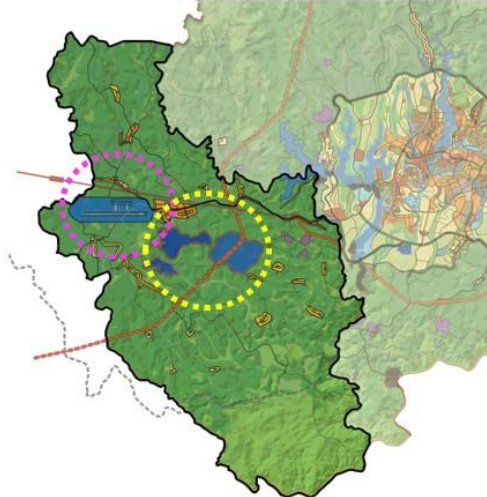
**- Khu hành lang xanh**

Các khu vực bờ sông, suối có độ cao dưới 600m; Bảy ngọn đồi có các chức năng thương mại, kinh doanh, nhà ở và công trình công cộng được bố trí gần hành lang xanh.

**\* Khu Tây Nam (Nhân Cơ, Đắc Wer và Nhân Đạo)**



Loại đất	Diện tích (ha)
<b>Đất xây dựng khu vực nội thị</b>	<b>4.573</b>
A Đất dân dụng	234,2
B Đất ngoài dân dụng	438,7
C Đất khác	3.900,1
<b>Đất ngoài đô thị</b>	<b>11.284</b>
A Đất dân dụng	208,3
B Đất ngoài dân dụng	2,5
C Đất khác	11.073,2
<b>TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC</b>	<b>15.857</b>



**Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

**Định hướng Thị xã Gia Nghĩa Khu Tây Nam**

Dự kiến sẽ thu hút nhiều người đến khu vực này do sự hình thành của cụm công nghiệp Nhân Cơ và tổ hợp khai thác nhôm Nhân Cơ.  
Dự kiến trong thời gian tới sẽ vận chuyển nhiều hành khách do mở cửa Sân bay Nhân Cơ và mở rộng quốc lộ 14 thêm 28m để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa.

**5.6%**

Đất xây dựng  
-Đất đô thị : 672.9ha  
-Đất ngoài đô thị : 210.8ha

**- Chức năng:** Đầu tàu phát triển nội lực của đô thị, là đầu tàu phát triển công nghiệp của Gia Nghĩa.

**- Tiêu chí**

- + Diện tích khu hành chính: 15,857 ha
- + Dân cư: 39,600 người (năm 2030)
- + Diện tích đô thị: 656 ha (năm 2030)
- + Mật độ: 60.36 người/ha (năm 2030)
- + Mục đích: công nghiệp alumin, du lịch (các nguồn nước), dân cư, thương mại.
- + Đặc điểm: Trung tâm công nghiệp của đô thị.
- + Cơ sở hạ tầng: Sân bay, Đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 14, Đường sắt.
- Dân cư:** Đảm bảo môi trường sống cao cấp và tiện lợi.
- + Phát triển cụm dân cư với chức năng phục vụ toàn diện cho khu công nghiệp.

+ Trục du lịch sông nước, sẽ phát triển các cụm dân cư kiểu khu nghỉ dưỡng cao cấp.

+ Hình thành mạng lưới xanh giữa tự nhiên và khu dân cư như vùng đệm xanh và hệ thống sông hồ (Đắk R'Tih).

**- Khu vực xanh**

+ Bảo tồn hệ thống mặt nước sông Đắk R'Tih .

+ Hạn chế phát triển phía Bắc Quốc lộ 14 để bảo vệ hệ thống mặt nước.

+ Phát triển vùng đệm xanh để ngăn phát tán tiếng ồn và bụi xung quanh mỏ khai thác.

+ Phát triển các công viên sinh thái xung quanh hồ Đắk R'Tih.

+ Phát triển các rừng ngăn tiếng ồn ở những đoạn Quốc lộ 14 cắt các khu vực phát triển.

**- Giao thông**

+ Xây dựng đường bộ, đường sắt và hạ tầng sân bay để phát triển công nghiệp; Kết nối các trục đường chính với trục giao thông Nam – Bắc, Đường Hồ Chí Minh; Tăng cường chức năng Quốc lộ 14 và bảo đảm các đường tuần hoàn xung quanh khu vực phát triển.

+ Phát triển hạ tầng sân bay

**- Làng du lịch**

Khu Tây Nam và hồ Đắk R'Tih cắt với Quốc lộ 14 sẽ hình thành Khu du lịch. Khu du lịch này sẽ được kết nối với trục du lịch sông nước, một trong các trục du lịch chính của thị xã Gia Nghĩa sẽ đóng góp vào cơ cấu công nghiệp bền vững cho nền kinh tế khi chuyển sang cơ cấu du lịch - dịch vụ.

**- Khu bảo tồn**

Để bảo tồn và cải tạo lưu vực suối Đắk R'Tih, phát triển không gian đệm xanh kết nối với mặt nước và ngăn phát triển các khu vực lân cận.

**- Rừng cộng đồng**

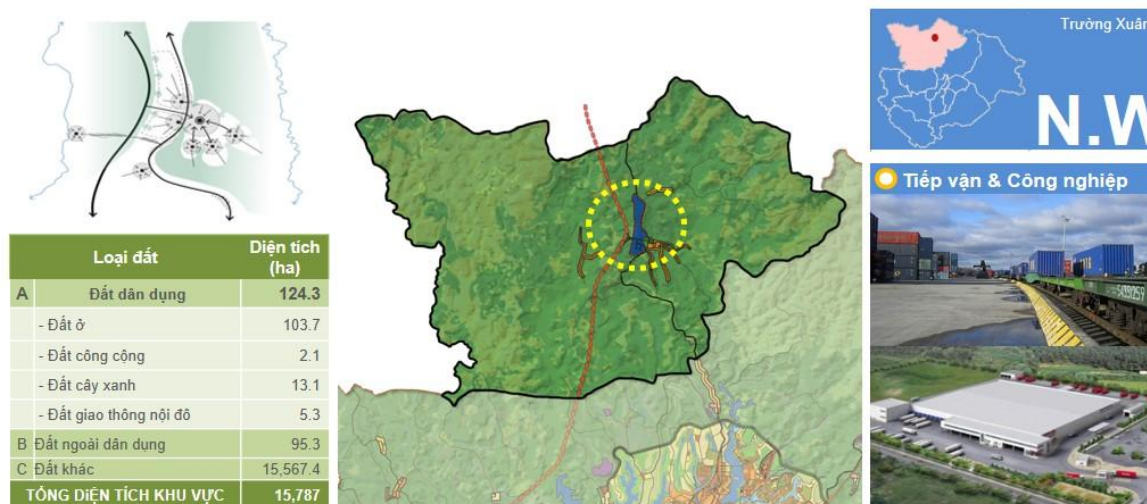
Phát triển các rừng xen giữa các công trình công nghiệp, sân bay và khu dân cư đóng vai trò là không gian đệm xanh và phát triển mạng lưới bằng cách liên kết các không gian xanh ở từng khu dân cư, mang lại không gian sinh hoạt cộng đồng.

**- Trung tâm mạng lưới giao thông**

Cải tạo sân bay và kết nối các trục đường chính với đường Hồ Chí Minh để trở thành nút giao thông trọng yếu. Liên kết các khu trung tâm của ba xã là Đắk Wer, Nhân Cơ, và Nhân Đạo. Xây dựng các đường tránh để phân bố giao thông tiếp cận tới sân bay và các khu công nghiệp qua Quốc lộ 14 và tách đường tiếp cận từ phía khu dân cư.



**\* Khu Tây Bắc (Trường Xuân)**



**Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

**Định hướng Thị xã Gia NGHĨA Khu Tây Bắc**

Nút giao thông chính với đường cao tốc Hồ Chí Minh  
 Thiết lập các ngành sản xuất sản phẩm nông nghiệp – ngư nghiệp và trung tâm dịch vụ hậu cần, cơ sở nghiên cứu sinh học cho nông – lâm nghiệp.  
 Sẽ bố trí lại khu dân cư hiện trạng để có đủ các tiện ích công thành lập cộng đồng

**1.4%**

Đất xây dựng  
 -Diện tích ngoài đô thị: 219.6ha

- **Chức năng:** Là khu vực cửa ngõ của Tỉnh, hướng tới tiếp vận phục vụ sự phát triển và giao thương của Thị xã Gia Nghĩa. Xây dựng trung tâm tiếp vận và cụm công nghiệp phân phối Gia Nghĩa; Chia sẻ chức năng kinh doanh và thương mại với Trung tâm đô thị.

**- Tiêu chí**

+ Diện tích khu hành chính: 15,787 ha

+ Dân cư: 15,500 người (năm 2030)

+ Diện tích đô thị: 188 ha (năm 2030)

+ Mật độ: 82.44 người/ha (năm 2030)

+ Mục đích : nghiên cứu & phát triển nông lâm nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, kho tàng bến bãi, du lịch (rừng cây xanh), dân cư, thương mại

**- Dân cư**

Xây dựng khu dân cư dạng khu nghỉ dưỡng. Xây dựng khu vực ngoại thị theo cấu trúc hình bàn tay trong đó khu phát triển và các yếu tố tự nhiên giao thoa theo địa hình và mặt nước.

**- Không gian xanh**

Phát triển không gian xanh với chức năng ngăn tiếng ồn giữa Quốc lộ 14 và khu dân cư; Bảo tồn khu vực xanh tự nhiên tuyến tính tập trung vào hệ thống

mặt nước trong khu vực phát triển. Phát triển các công viên gần khu dân cư để kết nối với các khu vực xanh hình bàn tay.

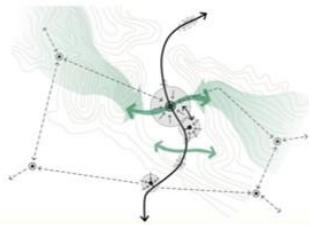
### - Giao thông

Giao thông đường bộ, hình thành điểm đầu nối với đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 14, đóng vai trò là cửa ngõ nối các khu vực chính của Tỉnh Đắk Nông với trung tâm đô thị Gia Nghĩa.

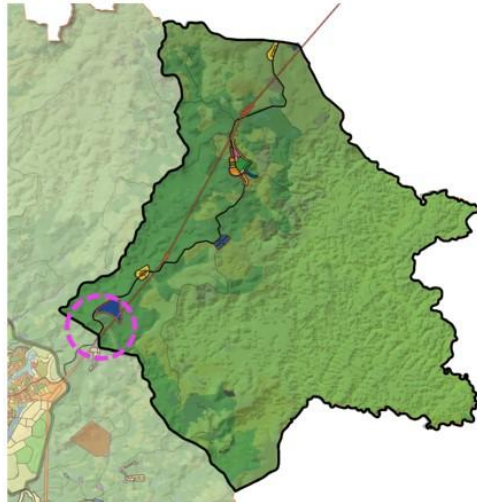
### - Khu vực cây xanh bảo tồn

Thung lũng và hệ thống mặt nước sẽ bảo tồn không gian xanh giữa các khu phát triển dân cư phía Nam, đảm bảo khu bảo tồn cây xanh hình bàn tay. Kết nối với vùng đệm của khu bảo tồn Nam Nung trong chiến lược phát triển du lịch.

### \* Khu Đông Bắc (Đắk Ha)



Loại đất	Diện tích (ha)
<b>A Đất dân dụng</b>	<b>86.7</b>
- Đất ở	54.2
- Đất công cộng	7.6
- Đất cây xanh	22.5
- Đất giao thông nội đô	2.4
<b>B Đất ngoài dân dụng</b>	<b>27.4</b>
<b>C Đất khác</b>	<b>15,318</b>
<b>TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC</b>	<b>15,432</b>



**Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

**Định hướng Thị xã Gia Nghĩa Khu Đông Bắc**

Thiết lập cụm công nghiệp nông-thủy sản và công nghiệp sản phẩm nghề thủ công truyền thống  
Tiến hành thu hồi đất cho trung tâm xã để thiết lập công đồng và đất cho các công trình để hỗ trợ chức năng hành chính và công nghiệp

**0.7%**

Đất xây dựng  
-Khu vực đô thị ngoài : 114,1ha

- **Chức năng:** Khu công nghiệp hỗ trợ Trung tâm đô thị; Phát triển trung tâm công nghiệp du lịch bằng cách bảo tồn tự nhiên, bảo tồn môi trường sinh thái tập trung vào rừng phòng hộ hệ sinh thái.

### - Tiêu chí

+ Diện tích khu hành chính: 15,432 ha

+ Dân cư: 7,200 người (năm 2030)

+ Diện tích đô thị: 128 ha (năm 2030)

+ Mật độ: 56,25 người/ha (năm 2030)

+ Mục đích : kinh doanh quy mô nhỏ, du lịch (rừng bảo tồn), dân cư, thương mại có tính chất công nghiệp khu vực.

### - Không gian xanh

Kết nối hệ sinh thái phía Đông và phía Tây với cầu sinh thái chức năng trong khu vực bảo tồn mặt nước ở trung tâm khu vực phát triển.

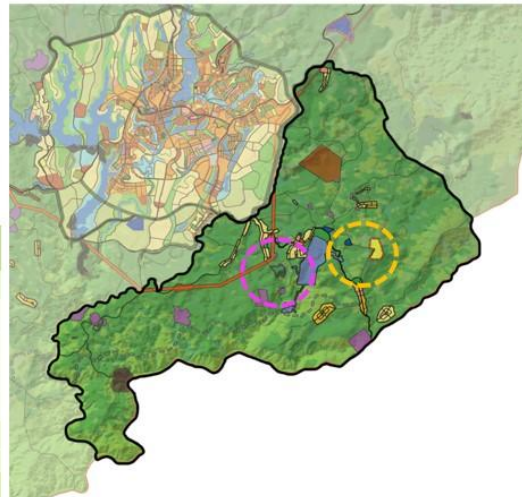
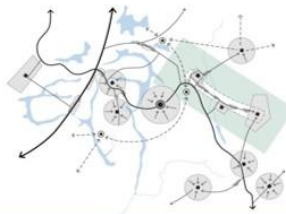
### - Giao thông

Phát triển các trục đường tập trung và phân tán và mạng lưới đường tuần hoàn phía sau các khu phát triển. Hạn chế can thiệp vào các trục đường tập trung và phân tán, Tỉnh lộ 684. Phát triển các tuyến đường dành cho người đi bộ kết nối với cầu sinh thái

### - Dân cư

Phát triển để thành nơi nghỉ ngơi, thư giãn bao bọc bởi thiên nhiên. Hình thành không gian xanh để biến toàn bộ khu dân cư trở thành một phần của thiên nhiên.

### \* Khu Đông Nam (Đắk Nia)



Loại đất	Diện tích (ha)
<b>A Đất dân dụng</b>	<b>227,3</b>
- Đất ở	169,3
- Đất công cộng	9,9
- Đất cây xanh	34
- Đất giao thông nội đô	14,1
<b>B Đất ngoài dân dụng</b>	<b>43</b>
<b>C Đất khác</b>	<b>8.956,7</b>
<b>TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC</b>	<b>9.227</b>

**Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

**Định hướng Thị xã Gia Nghĩa Khu Đông – Nam**

**2.9%**

Đất xây dựng  
- Diện tích ngoại thị: 270.3ha

Các làng dân tộc thiểu số cần được duy trì và đất tiện ích công như không gian tổ chức sự kiện như các nghi lễ tôn giáo.  
Cần bảo đảm đất cho các tiện ích như nơi nghỉ cho du khách.  
Thiết lập các cụm giáo dục, đảm bảo đất cho trường đại học và cơ sở Nghiên cứu và Phát triển.

- **Chức năng:** Là trung tâm để phát triển trong tương lai; Bảo tồn và nghiên cứu các bon, buôn dân tộc thiểu số truyền thống và tận dụng để phát triển du lịch.

### - Tiêu chí

- + Diện tích khu hành chính: 9,227 ha
- + Dân cư: 22,500 người (năm 2030)
- + Diện tích đô thị: 597 ha (năm 2030)
- + Mật độ: 37,68 người/ha (năm 2030)

### - Khu dân cư

Phát triển khu dân cư với quy mô hợp lý ở khu vực giáo dục và nghiên cứu, bảo tồn cảnh quan truyền thống của làng dân tộc thiểu số; Hạn chế sự phát triển ồ ạt và đề ra các biện pháp quản lý bền vững.

### - Khu Không gian xanh

Đối với các tuyến phố chính và không gian công cộng, tận dụng các yếu tố mặt nước như sông suối, đài phun nước và ao hồ. Phát triển mạng lưới sông suối, mặt nước, phát triển trực du lịch văn hóa bằng cách kết nối các yếu tố văn hóa truyền thống và các yếu tố tự nhiên. Khu vực này là Vùng đệm xanh với sự quản lý thụ động, để bảo đảm bảo tồn tự nhiên và kế thừa các di sản văn hóa lịch sử cho thế hệ sau.

### - Giao thông

Hình thành mạng lưới kết nối các yếu tố giáo dục, lịch sử, văn hóa và tự nhiên; Phát triển các tuyến đường tuần hoàn liên kết các tiện ích giáo dục và nghiên cứu; Hình thành không gian công cộng theo từng đoạn để phục vụ mục đích thăm quan ngắm cảnh, nghỉ ngơi và giao lưu; Phát triển các tuyến đường có xem xét đến các phương tiện như đi bộ, xe đạp hay xe điện (tàu điện)

### - Vùng đệm xanh

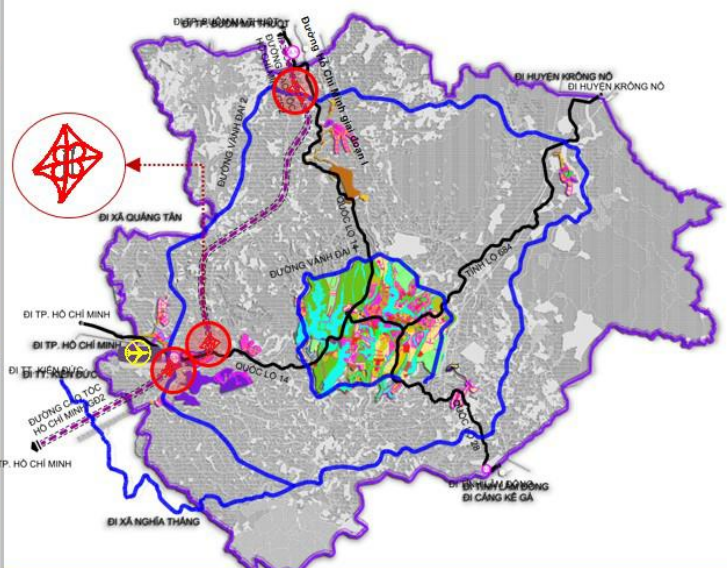
Xã Đăk Nia cần phát triển đồng thời bảo tồn các khu rừng và ranh giới giữa mặt nước và đất đai. Vị trí của các công trình phải nằm xa trục đường chính và có lối đi riêng để bảo đảm một vùng đệm cho hạ tầng giao thông vận tải và duy trì vùng đệm xanh.

Định hướng các công trình hạ tầng kỹ thuật

#### a. Định hướng phát triển giao thông:

*Quy hoạch mạng lưới giao thông đối ngoại*

<b>Đường cao tốc Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Đoạn Ngọc Hồi- Chơn Thành)</b> - 4- 6 làn xe, cấp 80-100km/h - Dự kiến xây dựng sau năm 2020
<b>Nâng cấp QL 14, QL 28, TL 684</b> - Đi qua Lối đô thị: bề rộng nền đường 43m(QL14), 36m (QL28, TL684) - Đi qua Các xã mở rộng: đường cấp III, bề rộng nền đường 21.6m (QL14), 12m (QL28, TL684)
<b>Đường vành đai: gồm 2 tuyến</b> - Vành đai 1: đường cấp III, bề rộng nền đường 20m - Vành đai 2: Đoạn Đăk Ha- Đăk Nia – Nhân Cơ chủ yếu vận chuyển bô xít: đường cấp III, bề rộng nền đường 12m. Đoạn Đăk Ha – Trường Xuân – Đăk Wer chủ yếu phục vụ du lịch sinh thái: đường cấp IV, bề rộng nền đường 9m.
<b>Nút khác mức: gồm 3 nút:</b> - 01 nút giao giữa đường cao tốc với QL14 - 02 nút giao giữa đường cao tốc với đường vành đai 2
<b>Sân bay Nhân Cơ</b> - Phát triển Sân bay nội địa, xây dựng sau năm 2020 - Diện tích 256ha, kích thước đường băng 1500x45m, lo ại máy bay ATR 72 hoặc Fokker 70.



*Nâng cấp các tuyến QL14, QL28, TL684*

★ *Đoạn qua nội thị thị xã*

QL14, là trục chính của đô thị, chỉ giới đường đỏ là 43m; QL28, là trục chính: chỉ giới đường đỏ là 36m; Đường tỉnh 684, chỉ giới đường đỏ là 36m.

★ *Đường cao tốc Hồ Chí Minh giai đoạn 2*

- Được xây dựng từ sau năm 2020 theo QĐ 194/CP-TTg ngày 15 tháng 2 năm 2012 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh.

- Quy mô đường cao tốc 4- 6 làn xe, cấp 80-100km/h. Đề xuất bề rộng nền đường 22.5m.

★ *Tuyến đường vành đai 2 mới*

Xây dựng tuyến đường vành đai mới liên hệ 4 khu đô thị vệ tinh, trung tâm các xã mở rộng. Ngoài ra, để nhằm dự trù một tuyến đường vận chuyển bột xít tránh lõi đô thị.

Tổng chiều dài 87.7km, quy mô đường cấp III<sub>mn</sub>, bề rộng nền đường 9m-12m.

Phân kỳ đầu tư cụ thể cho từng đoạn tuyến: đối với đoạn tuyến đi sát khu vực đô thị Gia Nghĩa sẽ được hình thành trước, còn các đoạn tuyến đi qua khu vực các xã mở rộng sẽ được hình thành sau.

+ Giai đoạn 1: đầu tư đoạn tuyến QL14 - Nhân Cơ - Nhân Đạo - Đăk Nia - QL28 - TL684, quy mô bề rộng nền đường 12m.

+ Giai đoạn 2: đầu tư đoạn tuyến từ QL 28 - Đăk Ha - TL684, quy mô bề rộng nền đường 12m.

+ Giai đoạn 3: đầu tư đoạn tuyến từ TL684 - Quảng Thành - Trường Xuân - QL14 - Đăk wer - QL14, quy mô bề rộng nền đường 9m.

★ *Nút giao khác mức*

Tổ chức 03 vị trí giao khác mức hoàn chỉnh dạng hoa thị gồm 02 vị trí giao giữa Đường cao tốc Hồ Chí Minh với đường vành đai mới, 01 vị trí giao giữa Đường cao tốc Hồ Chí Minh với QL14.

Đã thiết kế sơ bộ 03 nút giao khác mức dạng hoa thị hoàn chỉnh và quy mô đất đai tối thiểu đối với mỗi nút là 24 - 26ha với bán kính góc quay của cánh hoa thị >80m -125m.

★ *Định hướng phát triển khu vực sân bay Nhân Cơ*

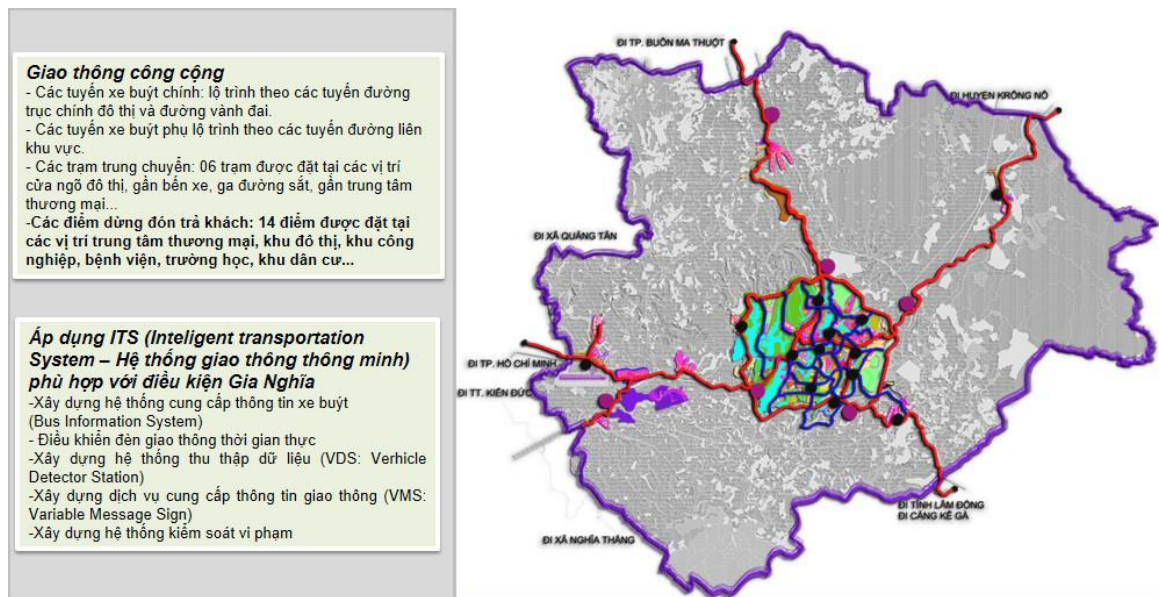
Chức năng: Sân bay nội địa vận chuyển hành khách và hàng hóa.

Quy mô sân bay: Chiều dài đường bay 1500m, chiều rộng 45m. Diện tích nhà ga hành khách 1.500m<sup>2</sup> đáp ứng phục vụ 155 hành khách giờ cao điểm. Diện tích nhà ga hàng hóa 75.000 m<sup>2</sup>.

*Quy hoạch giao thông công cộng*

Các tuyến xe buýt ngoại thị, liên tỉnh chủ yếu phát triển theo các tuyến chính là QL14, QL28, TL4, đường vành đai.

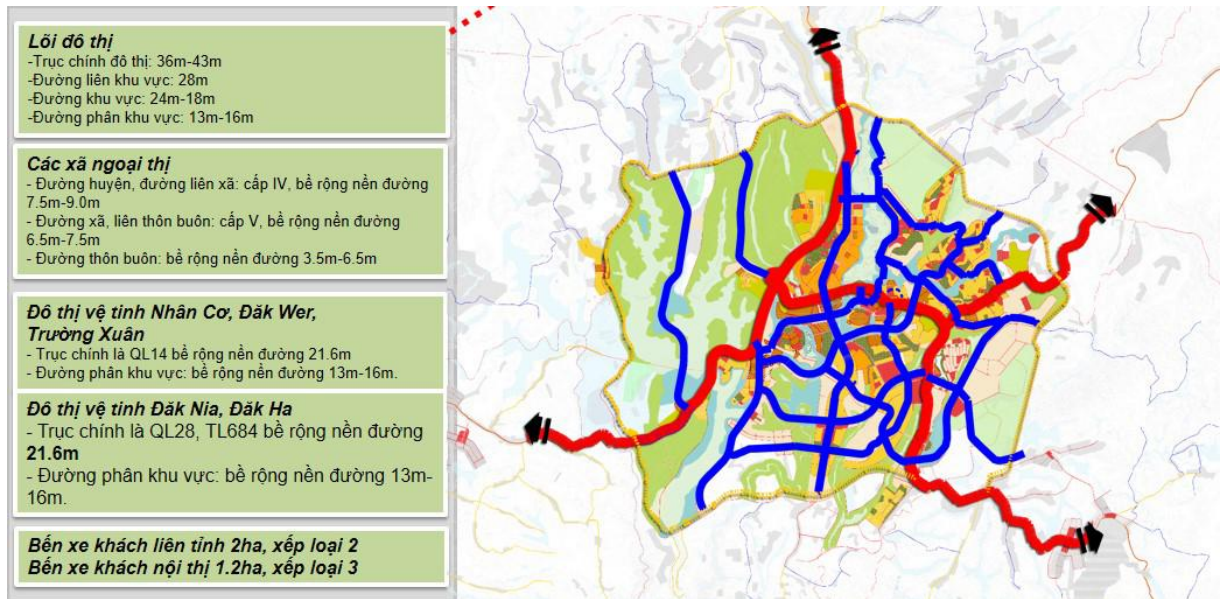
Các tuyến xe buýt nội thị: Lộ trình xe buýt trong khu vực nội thị sẽ phục vụ các khu vực chức năng chính và các khu vực trung tâm như khu đô thị trung tâm Gia Nghĩa (khu vực lõi đô thị, xã Đắc R'Moan, xã Quảng Thành), khu đô thị phía Tây Nam (xã Nhân Cơ, xã Đắc Wer, xã Nhân Đạo), khu đô thị Tây Bắc (xã Trường Xuân), khu đô thị Đông Nam (xã Đắc Nía) và khu đô thị Đông Bắc (xã Đắc Ha). Các tuyến xe buýt chính phát triển chủ yếu theo QL14, QL28, TL4 và đường vành đai; Các tuyến xe buýt phụ phát triển chủ yếu theo các tuyến đường liên khu vực, đường Bắc- Nam.



Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được: tỷ lệ sử dụng phương tiện giao thông công cộng đạt 26% vào năm 2020; 43% vào năm 2030 và 48% sau năm 2030; Mật độ lưới giao thông công cộng: 2,0-2,5 Km/Km<sup>2</sup>.

Định hướng cơ bản của trung tâm trung chuyển giao thông công cộng: 06 vị trí trung chuyển chính tại các vị trí: 01 vị trí gần bến xe liên tỉnh, 01 vị trí tại khu vực cửa ngõ phía Bắc trên QL14, 01 vị trí tại khu vực cửa ngõ phía Đông trên TL4, 01 vị trí tại khu vực cửa ngõ phía Nam trên QL28, 01 tại vị trí gần ga Đắc Nía, 01 tại vị trí gần ga Nhân Cơ và 01 tại vị trí gần ga Trường Xuân. 14 vị trí trung chuyển phụ (các điểm dừng đón trả khách) tại các vị trí trung tâm khu chức năng, trung tâm xã, khu đô thị vệ tinh

### **Quy hoạch mạng lưới giao thông đối nội**



Trục chính đô thị nhằm bảo tồn được cảnh quan của một đô thị miền núi gồm:

+ Trục Bắc – Nam xuyên suốt dọc và đi giữa lối đô thị, kết nối toàn bộ các trục ngang, vành đai, quốc lộ, chỉ giới đường đỏ là 36m.

+ QL14 đoạn qua thị xã Gia Nghĩa, sẽ là trục chính của đô thị theo chiều Bắc – Nam, để phù hợp với phát triển không gian, chỉ giới đường đỏ là 43m.

+ Trục Đông – Tây (đường 23-3 và đường Hùng Vương mới): xuyên suốt ngang và đi giữa lối đô thị, phát triển theo hướng QL28, kết nối QL14, trục Bắc Nam, TL4, QL28, chỉ giới đường đỏ là 36m.

+ Trục đại lộ kết nối quảng trường trung tâm, đường 23-3, trung tâm hành chính tỉnh, chỉ giới đường đỏ 36m-43m, dải phân cách có thể mở rộng 2m-10m.

Đường liên khu vực: Phát triển các tuyến liên khu vực theo hướng Bắc – Nam và Đông – Tây nối liền các khu chức năng của đô thị với khu trung tâm đô thị, có chỉ giới đường đỏ 28m.

+ Tuyến đường kết nối khu Sùng Đức, UBND tỉnh, khu dân cư Đông Bắc, kết thúc ở đường vành đai, một nhánh được nối qua hồ thị xã liên hệ với khu trung tâm thương mại thị xã, tổng chiều dài 8.5 km, tổng chiều dài, chỉ giới đường đỏ 28m.

+ Tuyến đường kết nối khu Sùng Đức, khu Đông Nam, cắt qua đường 23-3 và qua khu dân cư phía Đông Bắc, có các nhánh kết nối với tỉnh lộ 4 và đường vành đai, tổng chiều dài 12.8km, chỉ giới đường đỏ 28m.

+ Tuyến đường kết nối khu Sùng Đức, trung tâm thương mại mới trên trục Bắc Nam, bệnh viện tỉnh, tổng chiều dài 4km, chỉ giới đường đỏ 28m.

+ Tuyến đường kết nối khu Sùng Đức, trung tâm thương mại mới trên trục Bắc Nam, bệnh viện tỉnh, UBND tỉnh, tổng chiều dài 6.3km, chỉ giới đường đỏ 28m.

+ Tuyến kết nối từ UBND thị xã đến QL28 và vòng qua các khu dân cư Đăk Nia và kết thúc ở đường vành đai phía Đông, tổng chiều dài 7.4km, chỉ giới đường đỏ 28m.

+ Tuyến kết nối từ đường vành đai phía Đông, cắt qua TL4, lên đến khu dân cư phía Đông Bắc, tổng chiều dài 4.4km, chỉ giới đường đỏ 28m.

+ Tuyến đường vành đai 1 ngoài cùng bao trọn lõi đô thị Gia Nghĩa, tạo thành vành đai ranh giới phát triển lõi đô thị, tổng chiều dài 29.7km, vì tuyến chủ yếu phải vượt qua địa hình khó khăn nên đề xuất chỉ giới đường đỏ 20m, lòng đường rộng 14m.

+ Tuyến đường kết nối từ QL28 đi trường đại học phía Nam và kết thúc ở đường Bắc Nam kéo dài, tổng chiều dài 3.5km, chỉ giới đường đỏ 20m, lòng đường rộng 10.5m.

Đường khu vực: khẳng định rõ và cụ thể các tuyến đường khu vực, với chức năng là các tuyến đường chính trong từng khu vực và liên hệ với các tuyến đường liên khu vực, chỉ giới đường đỏ 24m-18.0m.

Đường phân khu vực: các tuyến đường với khoảng cách dưới 200m và chỉ đóng vai trò đường khu ở, nội bộ được xác định là các tuyến đường phân khu vực, chỉ giới đường đỏ 14-16m.

Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mạng lưới:

+ Tỷ lệ đất giao thông trên tổng diện tích đất xây dựng lõi đô thị đạt 25%

+ Mật độ mạng lưới đường đạt trung bình 10.5km/km<sup>2</sup>

#### ❖ Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, công trình cầu, cống hộp

##### ★ Bến xe liên tỉnh

Xây dựng hoàn thành Bến xe liên tỉnh: quy mô diện tích 2ha-3ha, xếp loại 2. Chức năng gồm bến xe khách, bến xe hàng và dịch vụ bến. Vị trí bến xe liên tỉnh, nằm tại cửa ngõ phía Tây đô thị, cạnh đường vành đai và quốc lộ 14.

Giai đoạn 2015-2020: xây dựng mới 02 bến xe: Bến xe thị xã Gia Nghĩa, diện tích 1.2ha, xếp loại 3; Bến xe Nhân Cơ, diện tích 0.3ha-0.5ha, xếp loại 4. Bến xe tải Đăk Nia, phục vụ hướng đi Lâm Đồng, diện tích 0.3-0.5ha, xếp loại 4.

Giai đoạn 2020-2030: xây dựng mới bến xe liên tỉnh phía Bắc Gia Nghĩa tại xã Trường Xuân, diện tích 2ha - 3ha, xếp loại 2. Chức năng gồm bến xe khách, bến xe hàng và trạm dừng nghỉ.

##### ★ Bãi đỗ xe tập trung

Bến xe gầm cầu Đăk Nông trở thành bãi đỗ xe, diện tích 0.45ha; Bến xe tạm gần Hồ Vịt trở thành bãi đỗ xe phục vụ trung tâm thương mại dịch vụ, diện tích 0.3ha; Bãi đỗ xe trung tâm thương mại gần hồ trung tâm 0.5ha; Bãi đỗ xe trung tâm thương mại mới trên đường Bắc Nam: 0.5ha; Bãi đỗ xe trên đường



23-3: 04 bãi: 0.3ha; 0.3ha; 0.45ha; 0.5 ha; Bãi đỗ xe trên đường Trần Hưng Đạo: 0.9ha; Một số bãi đỗ xe bố trí kết hợp với cây xanh, diện tích 0.3-0.5ha.

★ **Công trình cầu, cống hộp**

Bố trí một số công trình cầu lớn nhằm vượt địa hình chia cắt, tránh đào sâu đắp cao, tạo cảnh quan tự nhiên hấp dẫn:

Cầu trên đường 19 nhằm kết nối từ khu thương mại với khu dân cư Đông Bắc vượt qua hồ trung tâm.

Cầu trên đường 23-3 nhằm kết nối các khu thương mại, khu vui chơi giải trí với khu cơ quan UBND tỉnh.

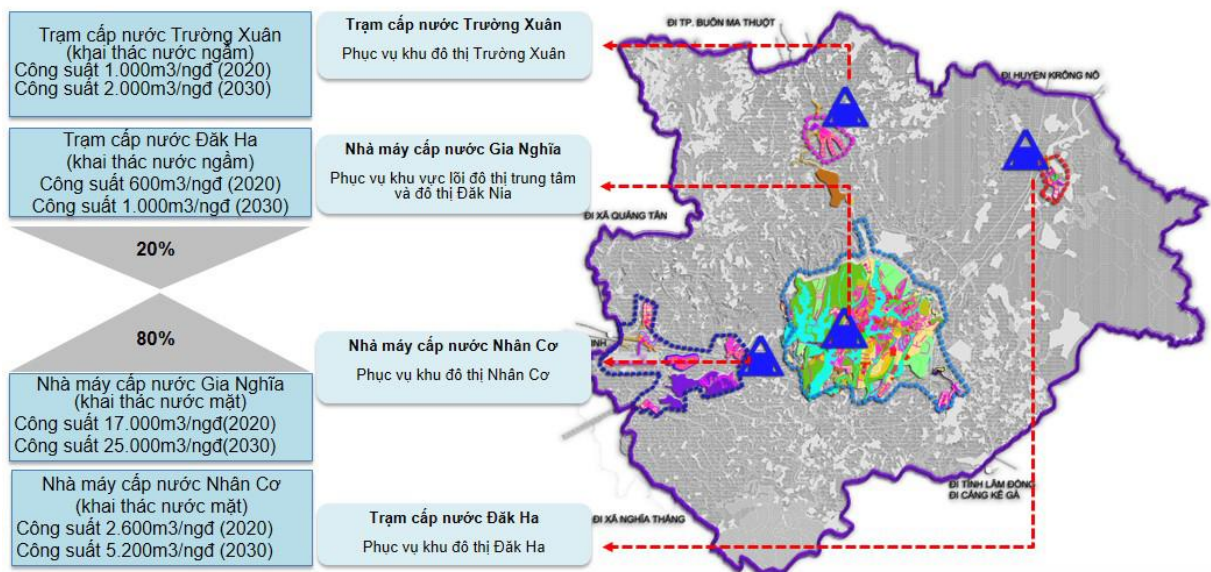
Đường kết hợp cống hộp trên đường Trần Hưng Đạo nhằm kết nối khu cơ quan và khu dân cư Sùng Đức với khu cơ quan UBND tỉnh.

**b. Định hướng quy hoạch cấp nước:**

❖ **Quy hoạch bố trí công trình cấp nước**

★ **Quy hoạch nguồn nước**

Hiện nay nguồn nước mặt có trữ lượng khá ổn định do được tích trữ trong hệ thống hồ thủy điện Đăk R’Tih. Nước mặt từ hồ thủy điện Đăk R’Tih sẽ là nguồn cấp nước lâu dài cho đô thị Gia Nghĩa.



Theo thỏa thuận giữa ngành điện và UBND tỉnh Đăk Nông, hồ thủy điện Đăk R’Tih sẽ cung cấp cho thị xã Gia Nghĩa 30.000 m<sup>3</sup> nước thô mỗi ngày.

Bên cạnh đó kết hợp khai thác nguồn nước ngầm cho các trạm xử lý nước trung tâm xã Đăk Ha và xã Trường Xuân

➤ **Quy hoạch công suất công trình cấp nước đến năm 2020**

Theo thỏa thuận với ngành điện, lượng nước khai thác cho sinh hoạt của thị xã Gia Nghĩa từ các hồ thủy điện hiện nay là 30.000 m<sup>3</sup>/ng.đ. Do đó, ở giai đoạn

đến năm 2030 sẽ khai thác nước mặt từ hồ thủy điện Đắk R'tih, công suất khai thác là 25.000 m<sup>3</sup> mỗi ngày.

Thị xã Gia Nghĩa chuẩn bị triển khai xây dựng dự án cấp nước sinh hoạt khai thác nước mặt từ hồ thủy điện Đắk R'tih với công suất 12.000m<sup>3</sup>/ng.đ cho giai đoạn đến năm 2016 và đạt công suất 20.000m<sup>3</sup>/ng.đ cho giai đoạn đến năm 2020. Nhà máy cấp nước Gia Nghĩa sẽ được xây dựng tại khu vực trạm xử lý nước số 2 hiện nay (khu Sùng Đức).

+Tính toán công suất nhà máy cấp nước Gia Nghĩa theo quy mô quy hoạch

Dự kiến nhà máy cấp nước Gia Nghĩa sẽ cung cấp nước cho 5 phường nội thị và 3 xã ngoại thị Đắk Nia, Đắk R'Moan, Quảng Thành.

Công suất nhà máy cấp nước Gia Nghĩa đến năm 2020 là 17.000m<sup>3</sup>/ng.đ; đến năm 2030 là 25.000m<sup>3</sup>/ng.đ.

➤ Quy hoạch công suất công trình cấp nước đến năm 2030

Đến giai đoạn 2030, đề xuất nguồn nước cung cấp cho đô thị Gia Nghĩa là các hồ thủy điện, công suất khai thác là 30.000 m<sup>3</sup> mỗi ngày.

Đồng thời kết hợp khai thác nguồn nước ngầm cho các trạm xử lý nước trung tâm xã Đắk Ha và xã Trường Xuân.

Mở rộng nhà máy nước Gia Nghĩa (khu vực Sùng Đức). Đến năm 2030, nâng công suất xử lý đạt 25.000 m<sup>3</sup>/ng.đ.

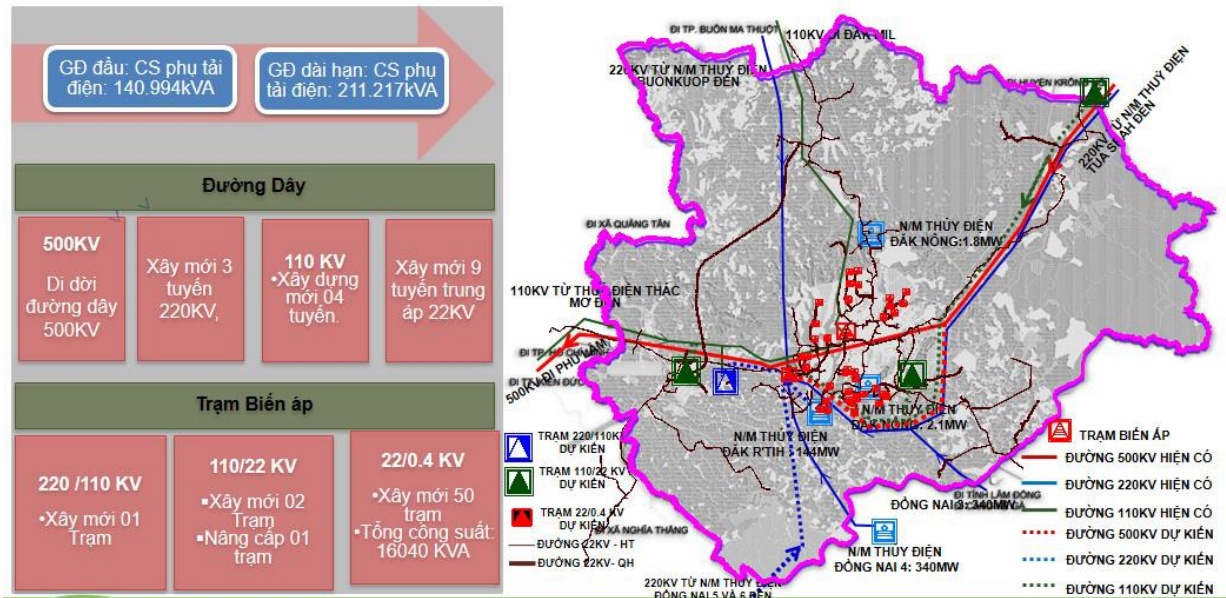
Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 và căn cứ vào địa hình tự nhiên thị xã Gia Nghĩa, lợi dụng các điểm cao sẵn có, bố trí 3 bể chứa làm nhiệm vụ điều hòa và dự trữ nước như sau:

Bể chứa nước số 1 (bể chứa nước Nghĩa Trung): Cao độ đáy 680m. Phục vụ một phần nội thị và xã Đắk Nia. Thể tích 250 m<sup>3</sup> ở giai đoạn đến năm 2020; thể tích 500 m<sup>3</sup> ở giai đoạn đến năm 2030.

Bể chứa nước số 2 (bể chứa nước Nghĩa Đức): Cao độ đáy 682m. Phục vụ nội thị. Thể tích 250 m<sup>3</sup> ở giai đoạn đến năm 2020; thể tích 500 m<sup>3</sup> ở giai đoạn đến năm 2030.

Bể chứa nước số 3 (bể chứa nước Nghĩa Thành): Cao độ đáy 690m. Phục vụ nội thị. Thể tích 250 m<sup>3</sup> ở giai đoạn đến năm 2020; thể tích 500m<sup>3</sup> ở giai đoạn đến năm 2030.

**c. Định hướng quy hoạch cấp điện**



**✦ Nguồn điện**

Theo quy hoạch của ngành Điện sẽ xây dựng các trạm 220kV và 110kV sau :

Xây dựng trạm 220/110kV-1x125MVA trên tuyến đường dây 220kV Đăk Nông - Phước Long – Bình Long. Theo đó, vị trí này thuận lợi trong việc đấu nối các lộ ra 220kV và 110kV, đồng thời đấu nối các tuyến đường dây 110kV ngắn.

Xây dựng trạm 110/22kV-2x40MVA Nhân Cơ. Trạm Nhân Cơ là trạm chuyên dùng phục vụ khai thác bô xít và cấp điện cho khu vực xung quanh trạm.

Xây dựng trạm 110/22kV-2x25MVA Gia Nghĩa, trạm này cấp điện cho phụ tải phía đông nam thị xã Gia Nghĩa, trạm này còn được xây dựng để tiếp nhận công suất từ các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ là: Đăk N’Teng 13MW, Đăk Nông 2 15MW, Đăk Klong 7,5MW, Đăk Nir 6,5MW, Đăk Muong 2,2MW với tổng công suất tiếp nhận lên đến 44,2MW nhu cầu công suất 49,1MVA. Vì vậy trạm Gia Nghĩa có công suất 2x25MVA là hợp lý.

Trạm 110kV Đăk Nông (16+25)MVA được nâng công suất lên (2x40)MVA, đặt tại thị xã Gia Nghĩa, cấp điện cho phần còn lại thị xã Gia Nghĩa.

**✦ Lưới cao áp**

Di dời đường dây 500kV ra ngoài thị xã để đảm bảo mỹ quan đô thị. Dự kiến đi song song với đường dây 220kV từ thủy điện Buôn Tua Srah - trạm 500kV Đăk Nông.

Xây dựng mới các tuyến đường dây 220kV như sau :

- + Đồng Nai 6 – trạm 500kV Đăk Nông.
  - + Từ trạm 500kV Đăk Nông – Phước Long, Bình Long đang triển khai và cấp điện cho trạm 220kV Đăk Nông.
  - + Từ trạm 500kV Đăk Nông – Buôn Krop.
  - + Đồng Nai 4 và 5 – trạm 500kV Đăk Nông.
- Xây dựng mới các tuyến đường dây 110kV như sau :
- + Từ trạm 220kV Đăk Nông đấu nối với tuyến 110kV từ trạm 110kV đi Đăk R'Lập mạch kép.
  - + Từ trạm 110kV Nhân Cơ đấu nối với tuyến 110kV từ trạm 110kV đi Đăk R'Lập mạch kép.
  - + Từ trạm 220kV Đăk Nông cấp điện cho trạm 110kV Gia Nghĩa.
  - + Từ trạm 110kV Gia Nghĩa cấp điện cho trạm 110kV Quảng Sơn.

**★ Lưới trung áp 22kV**

- Xây dựng mới các tuyến đường dây 22kV như sau :
- + Từ lộ 474 trạm 110kV Đăk Nông đi dọc đường Hồ Chí Minh dự kiến nối với lộ 472 nhằm tạo mạch vòng, chiều dài 18,5km.
  - + 02 lộ xuất tuyến từ trạm 110kV Nhân Cơ đấu nối với lộ 472 trạm 110kV Đăk Nông, chiều dài 6,0km.
  - + 02 lộ xuất tuyến 22kV từ trạm 110kV Nhân Cơ cấp điện cho khu công nghiệp Alumin Nhân cơ, chiều dài 6,0km.
  - + 2 lộ xuất tuyến 22kV từ trạm 110kV Gia Nghĩa đấu nối với lộ 476 trạm 110kV Đăk Nông.
  - + 02 lộ xuất tuyến 22kV từ trạm 110kV Gia Nghĩa đấu nối với lộ 470 trạm 110kV Đăk Nông, chiều dài 0,5km.
  - + 28km đường dây 22kV cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải xây dựng mới.

Lưới 22kv trong khu vực trung tâm thị xã giai đoạn đầu có thể đi nổi dùng dây bọc tương lai sẽ đi ngầm. Các khu vực khác của thị xã có thể đi nổi dùng dây bọc cách điện. Đối với khu vực ngoại thị đường dây 22kV đi qua các khu vực không có dân cư dùng dây trần, khu vực có dân cư dùng dây bọc cách điện. Đối với khu vực nội thị dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC – 240mm<sup>2</sup>-24kV. Khu vực ngoại thị dùng dây dẫn bọc cách điện và đi nổi. Để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện kết cấu lưới 22kV theo mạng kín chế độ bình thường vận hành hở.

**★ Trạm lưới 22/0,4KV:**

Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu. Máy biến áp dùng loại 3 pha. Bán kính

phục vụ của các trạm đảm bảo  $\leq 250$  m. Trạm biến áp dùng trạm xây để không bị ảnh hưởng do khí hậu .

★ **Lưới hạ áp 0,4 kV:**

Đối với các tuyến 0, 4 kV hiện có vẫn giữ nguyên để cung cấp điện cho các phụ tải.

Mạng lưới 0, 4 kV xây dựng mới bố trí đi nổi (trong điều kiện kinh tế cho phép có thể bố trí đi ngầm).

Lưới 0, 4 kV tổ chức theo mạng hình tia dùng cáp vặn xoắn ABC.

❖ **Hệ thống chiếu sáng đô thị**

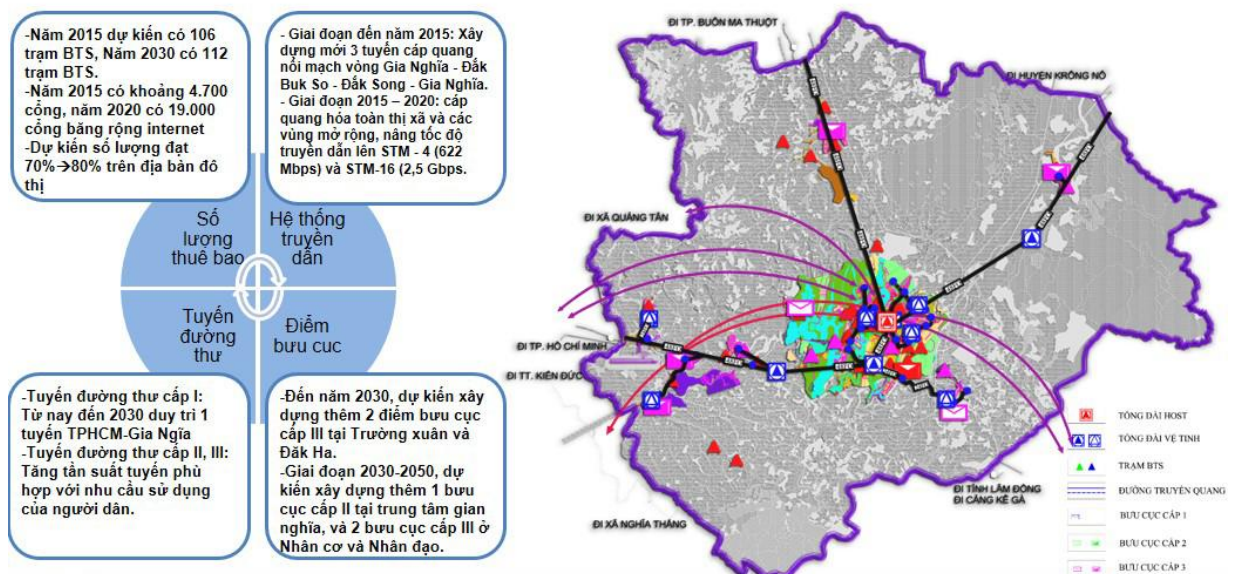
Quy hoạch vừa cân nhắc về tính an toàn cho phương tiện, người tham gia giao thông ở khu vực đô thị, vừa có thể tạo cảnh quan cho đô thị về ban đêm.

Nguồn chiếu sáng phải cân nhắc về môi trường xung quanh và được quy hoạch bởi các yếu tố như có hiệu suất năng lượng cao, có tính kinh tế do kéo dài được tuổi thọ sử dụng và dễ dàng thay thế, sửa chữa khi bị hỏng.

Lắp đặt trụ đèn không quá cao để phù hợp với không gian cũng như sinh hoạt của con người, trụ đèn được sử dụng bằng nguyên liệu không gỉ để chống ăn mòn và nguồn sáng được quy hoạch bằng công cụ chiếu sáng có độ phản chiếu và độ chói mắt nhỏ nhất.

Quy hoạch hệ thống chiếu sáng thân thiện với môi trường bằng cách sử dụng đèn LED có thể tận dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời và sức gió).

**d. Định hướng quy hoạch bưu chính viễn thông**



❖ **Định hướng hệ thống thông tin - liên lạc**

✦ **Hệ thống chuyển mạch**

Tính giai đoạn từ 2012 đến năm 2030, mạng thông tin khu vực thị xã Gia Nghĩa cần:

Mở rộng và xây mới, tăng dung lượng, thay thế và nâng cấp các tổng đài điều khiển, tổng đài vệ tinh hiện có để đảm bảo nhu cầu thuê bao như dự báo khoảng 9 triệu thuê bao.

+Giai đoạn 2015 – 2020: tiến hành lắp đặt các tổng đài chuyển mạch đa dịch vụ Multiservice Access, thay thế toàn bộ các tổng đài nội hạt và kết nối trực tiếp với khách hàng.

+Giai đoạn 2020 – 2030: hoàn thiện hạ tầng mạng NGN, nâng cấp dung lượng đường truyền cung cấp dịch vụ cho người dân.

✦ **Hệ thống truyền dẫn**

Giai đoạn đến năm 2017: Xây dựng mới các tuyến cáp quang: Gia Nghĩa - Quảng Sơn - Nậm N’Dir - Krông Nô. Quảng Tín - Đắk Ru - Quảng Trực. Đắk Song-Nậm N’Dir, nối vòng Gia Nghĩa- Krông Nô-Đắk Song-Gia Nghĩa. Gia Nghĩa - Đắk Nia - Quảng Khê. Nối mạch vòng Gia Nghĩa - Đắk Buk So - Đắk Song - Gia Nghĩa.

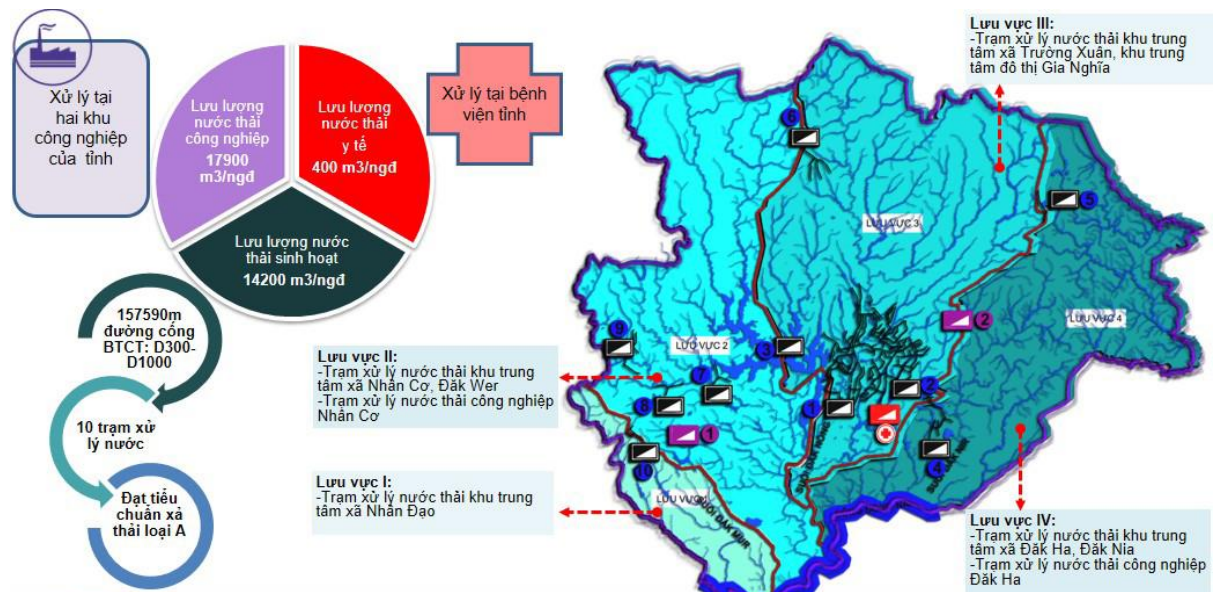
Giai đoạn 2015 - 2020: cấp quang hóa toàn thị xã và các vùng mở rộng, tiếp tục nâng cấp dung lượng mạng cáp quang, nâng tốc độ truyền dẫn lên STM - 4 (622 Mbps) và STM-16 (2,5 Gbps).

✦ **Internet**

Đến năm 2016 có khoảng 4.700 cổng, năm 2020 có 19.000 cổng băng rộng internet.

**e. Định hướng quy hoạch thoát nước thải và quản lý CTR**

❖ **Quy hoạch thoát nước thải**



### ❖ **Nước thải sinh hoạt**

Hệ thống thu nước thải được thiết kế riêng biệt đối với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được thu gom bằng mạng lưới hệ thống cống tự chảy, các trạm bơm và các đường ống có áp, tập trung nước bẩn về trạm xử lý nước thải.

-Hệ thống thoát nước thải sau khi tính toán bao gồm: 87830 m cống thoát nước (GD 2020); 157590 m cống thoát nước (GD 2030); trạm bơm nước thải có công suất: 2300 m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2020); 3260 m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2030)

-Xây dựng hệ thống cống thoát nước nước thải sinh hoạt riêng theo sơ đồ sau:

-Bể tự hoại → Cống thu nước thải → Công trình làm sạch nước thải

### ❖ **Nước thải công nghiệp**

Các khu công nghiệp trên địa bàn đô thị Gia Nghĩa yêu cầu xây dựng trạm xử lý nước thải cho từng khu vực trước khi đổ vào mạng lưới thoát nước chung toàn khu vực

Nước thải khu công nghiệp yêu cầu xử lý đến tiêu chuẩn loại A (thải vào nguồn nước phục vụ sinh hoạt).

### ❖ **Nước thải bệnh viện**

Nước thải bệnh viện tỉnh, các phòng khám đa khoa trên địa bàn thị xã sẽ được xử lý tại chỗ đảm bảo tiêu chuẩn xả thải loại A trước khi xả ra hệ thống cống chung.

### ❖ **Công suất trạm xử lý nước thải**

#### ★ **Trạm xử lý nước thải sinh hoạt**

Xây dựng 10 trạm xử lý nước thải tập trung với tổng công suất xử lý: 8300 m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2020); 15400 m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2030).

#### ★ **Trạm xử lý nước thải công nghiệp**

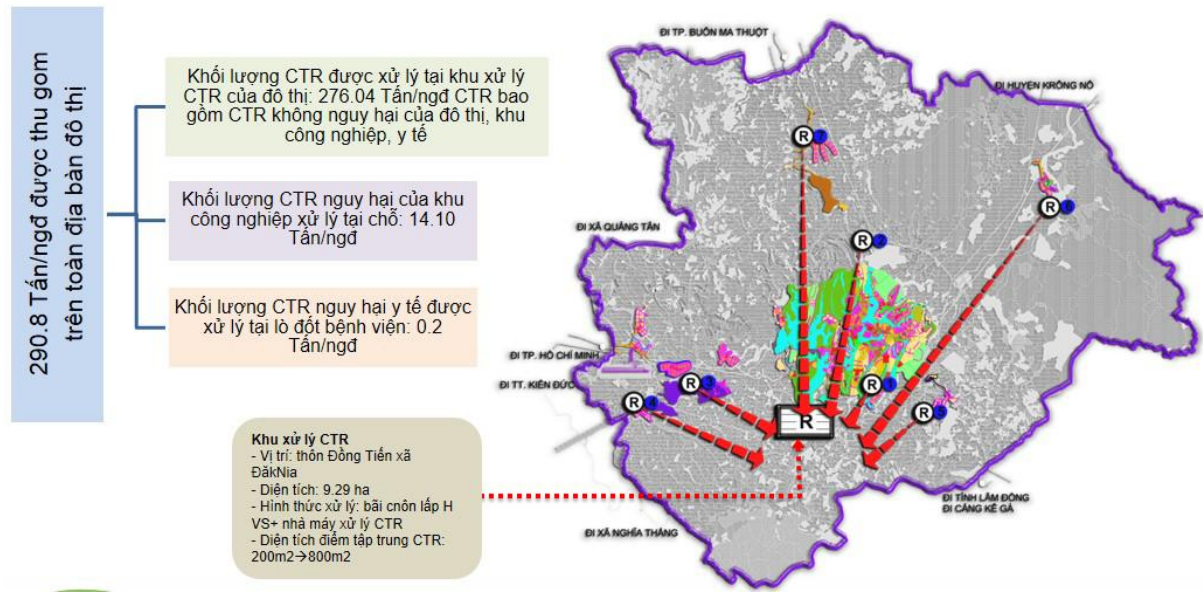
Dựa vào diện tích, chỉ tiêu thải nước khu công nghiệp, đặc thù loại hình công nghiệp ta tính toán được công suất các trạm xử lý nước thải công nghiệp :14700m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2020): 17800 m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2030).

Xây dựng hai trạm xử lý nước thải công nghiệp tại hai khu công nghiệp trên địa bàn đô thị Gia Nghĩa khu công nghiệp khai thác Boxit Nhân Cơ, khu công nghiệp Đăk Ha.

#### ★ **Trạm xử lý nước thải bệnh viện**

Dựa vào số giường bệnh, chỉ tiêu thải nước cho một giường bệnh, ta tính toán được công suất các trạm xử lý nước thải bệnh viện tỉnh : 240m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2020); 400 m<sup>3</sup>/ngđ (GD 2030).

## ❖ Quản lý CTR chất thải rắn



### ❖ Khu xử lý CTR sinh hoạt

Toàn bộ CTR sinh hoạt, CTR công cộng, CTR thông thường của các khu công nghiệp, các bệnh viện sẽ được thu gom và xử lý tại khu xử lý CTR đặt Tại thôn Đồng Tiến xã Đăk Nia, cách trung tâm đô thị 9.4 km theo hướng Đông Nam, nằm trên sườn đồi, cạnh đường đi vào nhà máy thủy điện Đăk Nông.

CTR nguy hại của các khu công nghiệp, y tế sẽ được xử lý tại chỗ.

### ❖ Quy hoạch diện tích, quy mô tiếp nhận CTR của khu xử lý GD 2030

#### ✦ Khối lượng CTR sinh hoạt

Dựa vào tiêu chí đô thị của đô thị Gia Nghĩa, tiêu chuẩn xả thải CTR: 0,8-1,2 kg/ng.ngđ; tỉ lệ thu gom CTR: 80%-90% (tùy thuộc vào từng khu vực của thị xã)

Khối lượng CTR được thu gom của đô thị Gia Nghĩa: 144,79 tấn/ngđ (GD 2020); 219,20 tấn/ngđ (GD 2030).

#### ✦ Khối lượng CTR công nghiệp

Chỉ tiêu phát thải CTR khu vực công nghiệp: 0,20-0,25 tấn/ha, tỉ lệ thu gom: 90-95%

Dựa vào diện tích, chỉ tiêu phát thải khu công nghiệp, loại hình công nghiệp, tính toán được lượng CTR được thu gom của khu vực công nghiệp: 50,2 tấn/ngđ (GD 2020); 70,5 tấn/ngđ (GD 2030).

#### ✦ Khối lượng CTR y tế

Chỉ tiêu phát thải CTR y tế: 2,0-2,2 kg/gường bệnh.ngđ; tỉ lệ thu gom; 100%.



Dựa vào số giường bệnh, chỉ tiêu phát thải CTR y tế, tính toán được lượng CTR được thu gom của khu vực y tế: 0,5 tấn/ngđ (GD 2020): 1 tấn/ngđ (GD 2030).

❖ **Quy mô diện tích- công suất khu xử lý CTR**

Giai đoạn 2020: xây dựng 1 khu xử lý CTR với diện tích: 4.13 ha ( ô chôn lấp hợp vệ sinh) và 7 điểm tập trung CTR với tổng diện tích: 0.0188 ha.

Giai đoạn 2030: mở rộng quy mô khu xử lý CTR với diện tích: 9,29 ha ( ô chôn lấp hợp vệ sinh+nhà máy xử lýCTR: sản xuất phân compost+ tái chế) và 7 điểm tập trung CTR với tổng diện tích: 0,067 ha.

**3.2.2. Kiến nghị**

Tiến hành điều tra toàn diện, đồng thời phải xây dựng được hệ thống bản đồ quy hoạch các công trình kinh tế - xã hội, các công trình đô thị, từ đó mới đủ cơ sở dữ liệu để đánh giá chính xác, khoa học cũng như xây dựng kế hoạch xây dựng và phát triển có hiệu quả.

Các tổ chức quản lý phải thực sự tạo điều kiện cho cộng đồng được hưởng lợi toàn diện từ những chính sách phát triển, để cho cộng đồng tự cảm nhận cuộc sống gắn bó máu thịt với sự phát triển hiện nay của thị xã

Quá trình đô thị hóa phải được gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, mới đem lại hiệu quả tốt và an toàn, do vậy, các nhà hoạch định chính sách cần phải có biện pháp hợp lý để phát triển đồng thời hai quá trình trên.

Cùng với sự phát triển của đô thị hóa thì các tài nguyên thiên nhiên đang ngày càng bị cạn kiệt dần, nạn ô nhiễm môi trường đang ngày càng trầm trọng, đời sống của những người dân nơi đây còn có sự chênh lệch lớn giữa người giàu và người nghèo, nên muốn cải thiện được những vấn đề này thì rất cần sự quan tâm, đầu tư của nhà nước, UBND tỉnh Đắk Nông, nhất là đầu tư vốn với chính sách ưu đãi, tiếp tục hoàn thiện và xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống trường học.

## KẾT LUẬN

Quá trình thực hiện đề tài chúng tôi đã thu được kết quả sau:

Thị xã Gia Nghĩa được thành lập theo Nghị định số 82/2005/NĐ -CP ngày 27/06/2005 của Chính Phủ. Sau 10 năm đầu tư xây dựng và phát triển từ một thị trấn Gia Nghĩa, Xã Quảng Thành và xã Đăk Nia thuộc huyện Đăk Nông cũ đến nay thị xã đã có nhiều chuyển biến tích cực: Kinh tế xã hội có tốc độ tăng trưởng khá, công tác quy hoạch và xây dựng đô thị được quan tâm đầu tư. Hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật được xây dựng từng bước đồng bộ, tốc độ đô thị hóa nhanh, chất lượng cuộc sống của người dân đô thị ngày được nâng cao. Sắp tới thị xã Gia Nghĩa sẽ lên đô thị loại III theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ - CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT -BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ -CP.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cơ quan Trung ương và sự quan tâm trực tiếp của tỉnh Đăk Nông; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Đăk Nông đã tập trung mọi nguồn lực, tâm huyết, đoàn kết quyết tâm xây dựng và phát triển thị xã và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng phát triển đô thị, nâng cao chất lượng sống của người dân đô thị: sự phát triển kinh tế xã hội tạo ra nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp; nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người, giảm tỷ lệ hộ nghèo, các dịch vụ về y tế, giáo dục, dịch vụ công cộng khác được nâng cao hơn... Từng bước giải quyết nhu cầu của xã hội về nhà ở, cấp điện, cấp nước, vệ sinh môi trường cũng như hệ thống thông tin liên lạc, phát thanh truyền hình và hệ thống giao thông...

Tuy nhiên bên cạnh những chuyển biến tích cực của sự phát triển kinh tế, bộ mặt của Thị Xã trở nên hiện đại hơn, khang trang hơn thì còn tồn tại và phát sinh nhiều vấn đề: nạn ô nhiễm môi trường, chưa có bãi rác tập trung nên tình trạng rác được đổ tạm thời ở khu vực gần dân cư sinh sống ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân và bộ mặt của đô thị, diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, mất đi sự đa dạng của sinh vật, vấn đề quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản chưa hợp lý, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường, ... khiến cho môi trường tự nhiên dần mất đi sự cân bằng vốn có, về lâu dài, nó sẽ phá vỡ các quy luật của sự tự nhiên, ảnh hưởng trầm trọng tới sự phát triển bền vững của tỉnh nhà.

Tỉnh Đăk Nông với mục tiêu phát triển đô thị Gia Nghĩa khang trang, sạch, đẹp, phát huy xứng đáng với vị thế trung tâm tỉnh Đăk Nông, phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, và trật tự xã hội.

Trong những năm tiếp theo, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Đăk Nông nói chung, thị xã Gia Nghĩa nói riêng sẽ tập trung khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực, khắc phục, hoàn thiện các tiêu chí còn chưa đạt, phấn đấu phát huy

hơn nữa tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện các mặt Kinh tế - Văn hóa - Xã hội, xây dựng đô thị Gia Nghĩa giàu đẹp, văn minh, phát triển bền vững.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Armand D.L (1973,) *Khoa học về cảnh quan* (Nguyễn Ngọc Sinh, Nguyễn Xuân Mậu dịch). Nhà xuất bản Khoa Học và Kỹ Thuật, Hà Nội, Việt Nam
- [2] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (1998), *PRA trong khuyến lâm*. Tài liệu tập huấn các bộ khuyến lâm..
- [3] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2000), *Tên cây rừng Việt nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, trang 31 – 39.
- [4] Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam (2008), *Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững*, Tuyển tập các công trình khoa học và hoạt động từ năm 1988 – 2008, Nxb Khoa Học và Kỹ Thuật.
- [5] Lê Huy Bá (2000), *Môi trường*, Đại học quốc gia TP HCM, trang 1 – 32, 417 trang.
- [6] Lê Huy Bá và Vũ Đình Hiếu (2006), *Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững*. Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, trang 9 – 35, 512 trang.
- [7] Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền (2000), *Thực vật rừng*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- [8] Lê Bá Thảo (1988), *Cơ sở địa lý tự nhiên*, NXBGD.
- [9] Lưu Đức Hải (2005), *Cơ sở khoa học môi trường*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- [10] UBND thị xã Gia Nghĩa, *Báo cáo “quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2011 -2 -010”*
- [11] UBND thị xã Gia Nghĩa, *Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai*.